

PHẦN THỨ NHẤT

QUÊ HƯƠNG BẮC ÁI

1/ Vị trí địa lý - Địa hình

Bắc Ái là huyện miền núi nằm ở phía Tây - Bắc tỉnh Ninh Thuận, cách trung tâm thị xã Phan Rang - Tháp Chàm khoảng 58 km. Huyện có đường quốc lộ 27 B nối liền vùng duyên hải miền trung với cao nguyên Lâm Đồng. Diện tích tự nhiên toàn huyện khoảng 103.090,16 ha, chiếm 30,35% diện tích toàn tỉnh.

Phía Đông giáp huyện Cam Ranh, quốc lộ 1 và đường sắt Bắc Nam đoạn Phan Rang - Ba Ngòi, tỉnh Khánh Hòa.

Phía Tây giáp với huyện Đơn Dương - tỉnh Lâm Đồng.

Phía Đông - Đông bắc và Đông Nam giáp với huyện Ninh Hải và Thị xã Phan Rang - Tháp Chàm.

Phía Nam và Tây Nam giáp với thị trấn Tân Sơn - huyện Ninh Sơn, quốc lộ 27 và đường sắt răng cưa Tháp Chàm - Đà Lạt.

Phía Bắc giáp huyện Khánh Sơn, tỉnh Khánh Hòa.

Bắc Ái nằm cuối dãy Trường Sơn nam, dựa lưng vào cao nguyên Lâm Viên bao la hùng vĩ và vùng căn cứ Khánh Sơn - Khánh Hòa, vì vậy trong kháng chiến quân ta đứng nơi đây tiến về phía đông uy hiếp quân cảng Cam Ranh, quốc lộ 1 và cắt đôi đường xe lửa Bắc Nam. Tiến về phía Nam quân ta chặn đứt quốc lộ 27, mạch máu giao thông từ cảng Ninh Chữ đi Tây Nguyên và đường sắt răng cưa nối liền Tháp Chàm với Đà Lạt, cũng như cô lập căn cứ không quân Thành Sơn.

Do vị trí có lợi thế về chiến lược và chiến thuật như vậy nên từ những ngày đầu cuộc kháng chiến chống Pháp, thường vụ Tỉnh uỷ đã có chủ trương xây dựng nơi đây thành căn cứ địa vững chắc, lâu dài để đấu tranh chống thực dân Pháp đến thắng lợi cuối cùng.

Địa hình Bắc Ái thoải thoải thấp dần từ phía tây bắc xuống đông nam, tạo thành hai vùng tương đối rõ rệt: Vùng núi cao là vùng Rừng già nguyên sinh với các đỉnh cao từ 1.622,7 m đến 1918 m và vùng trung du có bình độ trên 100 m với tầng cây bụi và thảm cỏ như vùng Rã trên, Rã dưới thuộc xã Phước Trung; ngoài ra do núi chia cắt tạo nên những thung lũng và các cánh đồng khá bằng phẳng xen lẫn các dãy núi cao như vùng Chà Panh - Phước Hòa, Trà Co - Phước Tiến, Tà Lú - Phước Đại...Địa hình Bắc Ái trùng điệp những núi đồi, rừng rậm, núi cao hiểm trở, có nhiều hang động sâu thẳm trong lòng núi; có hang chứa được hàng trăm người, là nơi có thể trú quân, cất giấu lương thực và phương tiện chiến tranh kín đáo; nhờ vào địa thế hiểm trở đó ta đã xây dựng nên thế trận chiến tranh du kích, vận dụng núi rừng quân ta đã nhiều lần gây cho địch tổn thất nặng nề. Bắc Ái có một hệ thống sông suối khá dày đặc; phần lớn sông suối của huyện chảy theo hướng Tây Bắc xuống Đông Nam, là nguồn cung cấp cá và nước tưới xanh bốn mùa cho núi rừng, tiêu biểu như: Sông Cái là Sông lớn và dài nhất bắt nguồn từ Cao nguyên Lâm Viên, chảy qua Khánh Hòa,

rồi từ phía Tây bắc xuống Đông Nam Bác ái nhập vào sông Dinh; Sông Ông chảy theo trục lộ 27; suối Sung, sông Sắt, sông SaSoi chảy theo lộ Trại cá (Khánh Hòa), Tân Mỹ và các sông khác như sông MaLâm, Hàm leo, sông Trương, sông Tô Hạp, suối Ta Goan, suối Rớ, Đa Mai, CháMo, sông Trâu... Đặc điểm của sông ngòi vùng Bác ái tương đối ngắn và có độ dốc cao, nên dễ gây lũ lụt cục bộ vào mùa mưa; ngược lại lượng nước dự trữ thấp nên dễ gây khô hạn vào mùa khô, do vậy đã chi phối trực tiếp đến hoạt động kinh tế trồng trọt, chăn nuôi của nhân dân trong huyện. Để khắc phục tình trạng thiếu nước sinh hoạt, canh tác, ngày nay Đảng bộ và nhân dân huyện Bác ái đang bắt tay xây dựng và cải tạo hồ Sông Sắt cũng như một số hồ chứa nước quan trọng khác; từng bước khơi thông và kiên cố hoá hệ thống kênh mương.

Xưa kia hệ thống giao thông ở Bác ái không phát triển, chưa có trục lộ chính, việc giao thông đi lại của nhân dân ở đây chủ yếu là đi bộ theo lối mòn, đường đi dưới tán rừng, băng qua núi qua sông suối. Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, việc vận chuyển lương thực, quân trang quân dụng ra chiến trường đều được vận chuyển trên đôi vai của đồng bào. Dưới chế độ thực dân, để tiện giao thông đi lại, thuận lợi cho việc xâm lược và cai trị lâu dài, năm 1942 thực dân Pháp cho xây dựng con đường Tỉnh lộ duy nhất bắt đầu từ Trại Cá - Ba Ngòi - Khánh Hòa đi qua Tà Lú, Ma Ty ra Tân Mỹ (Ninh Sơn) với chiều dài khoảng 50,2km, chia đôi Bác ái thành hai vùng: phía đông con đường là É Lâm hạ và phía Tây É Lâm thượng. Về phía ta năm 1946, con đường mòn Hồ Chí Minh đi qua huyện nhà nối liền vùng tự do liên khu V với miền đông Nam bộ được hình thành, đáp ứng kịp thời nhu cầu giao thông đi lại, giao liên đưa tin phục vụ chiến trường, cũng trên con đường này, giao liên đã đưa, nhận những công văn tư liệu tuyệt mật, cũng như đã đưa đón nhiều đoàn cán bộ cấp cao của Trung ương đi qua. Ngày nay mạng lưới giao thông huyện Bác ái được phân bố rộng khắp; đường liên xã, liên thôn được xây dựng thông suốt. Tất cả các xã trong huyện đều có đường ô tô đến tận nơi; đặc biệt là từ sau ngày huyện Bác Ái được tái lập, con đường quốc lộ 27b từ huyện Cam Ranh (Khánh Hoà) đi qua trung tâm huyện Bác Ái xuống thị trấn Tân Sơn đi Lâm Đồng được khởi công xây dựng. Con đường hứa hẹn nhiều triển vọng giao lưu phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội.

Có thể nói rằng Bác ái là vùng đệm chuyển tiếp của khí hậu vùng Cao Nguyên với khí hậu vùng ven biển của tỉnh Ninh Thuận. Vì vậy nó vừa mang không khí êm dịu của vùng Cao nguyên, vừa chịu ảnh hưởng nắng nóng của vùng Phan Rang. Tuy nhiên do đặc điểm địa hình ở mỗi vùng trong huyện khác nhau nên khí hậu mỗi vùng có khác nhau: Như ở vùng phía Tây bắc của huyện (vùng cao Phước Bình giáp với Cao Nguyên Lâm Đồng) khí hậu mát mẻ, độ ẩm cao; lượng mưa trung bình năm bằng 1814 mm, tương ứng với khoảng 90 ngày mưa trong năm. Đây là vùng rừng già nguyên sinh với hệ động thực vật phong phú, trong khi vùng trung du lượng mưa trung bình năm khá thấp, khoảng 771,2 mm, ứng với khoảng 60 ngày mưa trong năm. Nhìn chung khí hậu được chia

làm hai mùa rõ rệt; mùa mưa bắt đầu từ tháng 8 đến gần nửa tháng 11, mùa khô kèm theo nắng nóng, gió mạnh kéo dài từ tháng 12 đến tháng 7 năm sau. Tuy nằm trong tỉnh có lượng mưa thấp nhất nước, nhưng Bác Ái có lượng mưa cao nhất tỉnh, lượng mưa trung bình trong năm của toàn huyện khoảng 1.000 đến 1.200 mm, nhiệt độ trung bình trong năm là 27,8^oc đến 30^oc.

Từ điều kiện khí hậu trên đã tạo ra vùng rừng núi Bác Ái có một quần thể hệ động thực vật phong phú về chủng loại và thành phần. Về thực vật, đây là một trong những khu vực có trữ lượng gỗ quý hiếm của Tỉnh và Quốc gia như: Trắc, TaBu, Cẩm lai, Mun; ngoài ra rừng Bác Ái còn có nhiều dược thảo quý hiếm như Trầm Hương, Sa nhân, Sâm Nam ... Về hệ động vật phong phú như: Cọp, Nai, Heo rừng, Đò, Khi nhiều loài chim muông. Rừng Bác Ái là tài nguyên quý giá, là nguồn lâm sản to lớn của huyện nhà và của tỉnh Ninh Thuận. Rừng núi Bác Ái xanh tươi bốn mùa góp phần làm trong lành không khí, điều hòa khí hậu cho cả khu vực; rừng Bác Ái như “lá phổi” cho cộng đồng dân cư sống xung quanh. Nhận thấy được vai trò to lớn của Rừng như vậy nên ngày nay cùng với nhân dân cả nước, dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân huyện Bác Ái ngày càng biết chú trọng đến việc bảo vệ và phát triển rừng.

2. Dân số và đơn vị hành chính.

Theo thống kê năm 1975, toàn huyện Bác Ái có khoảng 12.000 người. Sau gần 25 năm giải phóng đất nước, đến năm 2000 dân số của huyện phát triển đạt tới 20.443 người. Mật độ dân cư 18 người/km². Nhịp độ tăng trưởng dân số tự nhiên hàng năm là: 2,15%. Dân cư phân bố không đồng đều, chủ yếu tập trung ở những vùng thung lũng, triền núi gần nước, thuận tiện cho sinh hoạt kinh tế trồng trọt chăn nuôi như vùng Trà Co, Đồng Dày, Chà Panh, Tà Lú, Ma Ty và một phần thung lũng vùng núi cao Phước Bình. Trong chiến tranh, nhân dân ta không chịu khuất phục kẻ địch, chống lại sự dồn dân lập ấp nên nhiều khi còn di tản lên vùng núi cao sinh sống và lập thôn mới như thôn Núi xanh, Đá Bộng - Phước Thành.

Hiện nay trên mảnh đất Bác Ái có sự hiện diện ít nhất 6 dân tộc anh em cùng sinh sống, gồm: Rag Lai, ChuRu, C’Ho, Kinh, Chăm, Hoa. Người Raglai với khoảng 18.956 chiếm 95% dân số toàn huyện. Đây là cư dân đông đảo nhất của huyện, phân bố rải rác khắp nơi trong huyện; ngoài ra người Raglai còn có mặt ở một số vùng miền Tây huyện Khánh Vĩnh tỉnh Khánh Hòa, miền Tây Bắc tỉnh Bình Thuận, vùng phía Đông Nam tỉnh Lâm Đồng. Trên địa bàn của tỉnh nhà, người Raglai còn sống tập trung ở xã Ma Nới huyện Ninh Sơn.

Theo tư liệu của các nhà khảo cổ học về Đàn đá ở Bác Ái, những sản phẩm tinh thần được người Raglai tạo nên cách đây hàng ngàn năm, chứng tỏ người Raglai đã có mặt ở đây từ rất lâu đời; qua hàng ngàn năm dù phải đương đầu với sự khắc nghiệt của thiên nhiên và chiến tranh tàn phá, nhưng đồng bào vẫn kiên trì bám trụ trên mảnh đất này. Người Raglai thuộc ngữ hệ ngôn ngữ

Malayô - Pôlinêxia cùng người Chăm, Chu Ru, Gia Rai. Ngày nay đa số người RagLai đều biết nói tiếng phổ thông khi giao tiếp.

Người Chu Ru, C'Ho khoảng 2.300 người tập trung chủ yếu ở xã Phước Bình (phía Tây Bắc Ái). Một số người kinh lên buôn bán, chăn nuôi gia súc; sinh sống định cư hoặc bán định cư, theo đó số lượng người kinh có mặt tại đây ngày càng đông; đặc biệt là từ sau ngày tái lập huyện, hầu khắp mọi thôn, làng đều có người kinh sinh sống.

Người Hoa cũng đặt chân đến vùng Đồng Dày của Phước Trung vào những thập kỷ 80 của thế kỷ trước, trước sự khắc nghiệt của môi trường nắng nóng khô hạn, họ đã kịp thích ứng với điều kiện sống mới bằng việc phát triển đàn Dê, Bò và Cừu...ngoài ra rải rác còn có một số người Chăm lên đây buôn bán, trao đổi. Người Kinh, Chăm, Hoa tuy số lượng không đáng kể nhưng có bản sắc văn hoá mới nên trong quá trình cộng cư đã góp phần làm phong phú nền văn hoá, thúc đẩy kinh tế huyện nhà phát triển.

Do đặc điểm vị trí, địa hình, dân cư và ảnh hưởng của chiến tranh nên tổ chức đơn vị hành chính trên địa bàn huyện trải qua các thời kỳ có nhiều thay đổi. Trước cách mạng tháng Tám năm 1945, vùng đất Bác Ái gọi là É Lâm ⁽¹⁾ gồm hai tổng: É Lâm hạ và É Lâm Thượng. Khi thực dân Pháp quay lại xâm lược lần thứ hai từ ngày 28.1.1946 đến năm 1948, Bác Ái thuộc quận An Phước. Về ta sau cách mạng tháng Tám năm 1945, Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời tỉnh Ninh Thuận thành lập 04 huyện: Ninh Hải hạ, Ninh Hải thượng, An Phước, Ninh Sơn; lúc này Bác Ái thuộc về huyện Ninh Sơn và một phần thuộc huyện Ninh Hải thượng (Phước Chiến, Phước Kháng thuộc Ninh Hải ngày nay). Đến tháng 4.1947 tỉnh Ninh Thuận thành lập 5 phân Phòng quốc dân thiểu số ở vùng miền núi của tỉnh: Bác Ái, Hy Sinh, Tương Lai, Hạnh Phúc, An Phước và ở vùng đồng bằng đổi đơn vị hành chính 6 khu thành 6 vùng. Đến tháng 8.1948 ta giải tán 6 vùng hành chính ở đồng bằng và sát nhập các Phân phòng Quốc dân thiểu số thành lập huyện Thuận Nam, Thuận Bắc, An Phước và Phan Rang - Tháp Chàm. Lúc này huyện Bác ái thuộc về huyện An Phước và được thành lập các

Chú thích:

⁽¹⁾ Trước năm 1945 cả tỉnh Ninh Thuận gồm 7 tổng: miền núi vùng Bác Ái ngày nay có tổng É Lâm Hạ, É Lâm Thượng và đồng bằng có tổng Đắc Nhơn, Vạn Phước, Mỹ Tường, Phú Quý, Kinh Dinh và huyện An Phước chăm.

xã: Phước Trung, Phước Thành, Phước Kháng, Phước chiến, Phước Thắng, về sau thành lập thêm các xã: Phước Hoà, Phước Bình, Phước Chính, Phước Nghĩa, Phước Đại và Xã Đoàn kết. Đầu năm 1950, thực hiện chủ trương của liên khu V, căn cứ Bác Ái tách ra khỏi huyện An Phước và đến tháng 10 năm 1950 đổi thành huyện Bác Ái. Huyện Bác Ái được ra đời chính thức từ đó và kéo dài cho đến năm 1961, khi ta chuyển sang cuộc kháng chiến chống Mỹ, Liên tỉnh Ba đã

sát nhập căn cứ Bác Ái với hai huyện Khánh Sơn, Khánh Vĩnh (Khánh Hòa) thành khu căn cứ B 50 (tức căn cứ Ái Sơn); đến năm 1962 các khu căn cứ thành lập Ủy ban tự trị khu. Tháng 10 năm 1965, khu ủy khu 6 giải tán khu căn cứ B 50 và Ủy ban tự trị khu để thành lập huyện Thuận Nam, Thuận Bắc, lúc bấy giờ vùng đất Bác Ái được thành lập thành 2 huyện: Bác Ái đông và Bác Ái tây. Sau khi giải phóng đất nước 30/4/1975, huyện Bác Ái đông và Bác Ái tây hợp thành vùng Bác Ái thuộc huyện Ninh Sơn cho đến cuối năm 2000 (thời gian từ 1975 đến 1982 huyện Ninh Sơn có tên gọi là An Sơn, bao gồm hai huyện Bác Ái đông và Bác Ái tây, Anh Dũng, An Phước và một phần đất của huyện Thuận Bắc cũ). Theo nghị định số 65/2000/NĐ-CP của chính phủ, ngày 06 tháng 11 năm 2000, huyện Bác Ái được tái lập trên sở tách ra từ huyện Ninh Sơn và đi vào hoạt động chính thức ngày 1 tháng 1 năm 2001, với 9 xã Phước Trung, Phước Thành, Phước Thắng, Phước Đại, Phước Chính, Phước Hòa, Phước Bình, Phước Tân, Phước Tiến và trở thành huyện thị thứ 5 của tỉnh Ninh Thuận. Trong muôn vàn khó khăn của một huyện mới được tái lập; Đảng bộ và nhân dân huyện Bác Ái đang quyết tâm chung sức đồng lòng bắt tay xây dựng quê hương Bác Ái Tiến bộ, giàu mạnh; xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

3. Văn hóa – Xã hội.

Trong lịch sử, xã hội của đồng bào Raglai chưa có sự xuất hiện giai cấp mà chỉ hình thành hai tầng lớp đối kháng nhau gay gắt, đó là tầng lớp trên và tầng lớp dưới.

Tầng lớp trên (tầng lớp thống trị) gồm có:

- Đầu Lớn hay đầu tộc thường là những người lớn tuổi, có uy tín và thế lực chính trị trong buôn làng và họ tỏ ra hiểu biết nhiều, được quần chúng thừa nhận cho đứng ra cai quản dân làng.

- Bàu Dầu là bọn chuyên làm công việc tâm linh như: Cúng bái, phù phép; chúng thường dùng biểu tượng Ó Cam lai ⁽¹⁾ làm thần quyền để mê hoặc, hù dọa đồng bào.

- Tổng Lý có nguồn gốc là quan lại của các triều đại phong kiến; Tổng Lý thường dựa vào quyền thế của triều đình để nắm Đầu Lớn và Bàu Dầu làm công

Chú thích:

⁽¹⁾ Ó Camlai là biểu tượng thần linh, là công cụ để tầng lớp trên đưa ra hù dọa, trừng trị ai vi phạm trái ý Giàng, trái luật lệ, phép tắc mà tầng lớp trên đặt ra.

cụ đàn áp đồng bào; Tổng Lý thường kiêm luôn Bàu Dầu và Đầu Lớn.

Tầng lớp trên nắm mọi đặc quyền đặc lợi, tự đặt ra các luật lệ, thuế má để lừa bịp, bóc lột, chiếm đoạt và cưỡng bức đồng bào. Thời Pháp thuộc, bọn này thường câu kết với Pháp để đàn áp cai trị đồng bào.

Ngoài ra còn có bọn “con buôn” rất ranh mãnh, xảo quyệt; chúng thường dựa vào thế lực kinh tế để kết giao với Tổng Lý, Bàu Dầu và Đầu Lớn bóc lột đồng bào; hình thức bóc lột chủ yếu là trao đổi bất bình đẳng, đôi khi chúng còn làm càn, tước đoạt trắng trợn tài sản của nhân dân, vì vậy đồng bào rất căm phẫn bọn này. Con buôn chủ yếu là người Kinh và Chăm nên thực dân Pháp lợi dụng mâu thuẫn này để chia rẽ “kinh thượng” gây nên mối hằn thù giữa các dân tộc trong huyện.

Tầng lớp dưới (tầng lớp bị trị) là đông đảo quần chúng nhân dân lao động bần cùng nghèo khổ; tầng lớp dưới luôn bị tầng lớp trên chèn ép, cướp bóc, đàn áp nặng nề; đời sống nhân dân càng khổ cực hơn khi thực dân Pháp đặt ách cai trị, dày xéo.

Ngày nay, người Raglai vẫn theo chế độ mẫu hệ: con cái sinh ra mang họ Mẹ, trong gia đình người phụ nữ có quyền cao, có vai trò định đoạt mọi việc. Phụ nữ là lực lượng lao động quan trọng của nền kinh tế chăn nuôi và trồng trọt nương rẫy; tuy vậy vai trò của phụ nữ trong cộng đồng không cao, phụ nữ không được nắm giữ các chức vụ trong dòng tộc, thậm chí còn bị khinh miệt thậm tệ, vì vậy trong dân gian có câu:

"Đàn Ông ăn cơm với cá
Đàn Bà ăn lá đu đủ thay cơm"
hoặc "Đàn Ông ăn trước ngồi trên,
Đàn Bà chỉ biết ăn tại tro ngồi tại bếp"....

Theo phong tục, người phụ nữ không được đi xa nhà, xa nơi chôn rau cắt rốn. Sau cách mạng tháng Tám năm 1945, Đảng đã vận động nhân dân thực hiện quyền bình đẳng giữa các dân tộc, giữa nam nữ trai gái. Được Đảng giác ngộ, chị em phụ nữ huyện Bác ái mới thấy được vai trò của mình trong xã hội, từ đó mới có nhiều chị em mạnh dạn thoát ly gia đình tham gia hoạt động cách mạng như: tham gia lực lượng vũ trang, đi dân công, du kích, làm cán bộ v.v...

Khi ốm đau bệnh tật, đồng bào thường có thói quen sử dụng thuốc dân gian hoặc rước thầy cúng Giàng; như việc sinh đẻ, theo tập tục: khi chuyển bụng, người Mẹ phải chạy ra rừng hoặc ở trong một cái chòi riêng biệt để sinh nở, sinh xong đợi con xuống tuổi tằm và cho uống ngay một thứ lá thuốc gia truyền, sau đó bồng con về nhà, vài ngày sau đợi con lên nương rẫy. Do có quan niệm nuôi dưỡng thiếu khoa học như vậy nên tỷ lệ tử vong trẻ sơ sinh rất cao. Khi có người chết, đồng bào thường tổ chức đám tang, đám tuần, ăn uống linh đình tốn kém, kéo dài đôi ba ngày nên đôi lúc khá mất vệ sinh. Cũng giống như một số đồng bào dân tộc Bana, Êđê, Gia Rai ở Tây Nguyên, người Raglai tin rằng người chết có linh hồn. Khi người thân chết đi nhưng linh hồn vẫn quán quít xung quanh đâu đó, cùng người sống lên nương lên rẫy tía bắp, vào rừng bẫy con thú và người sống luôn có mối quan hệ đồng cảm với người đã khuất. Từ quan niệm đó, khi đem người chết về cõi vĩnh hằng, đồng bào thường chia cho người chết một số tài sản như: ché rượu, gùi, nỏ, xoong nồi, chén bát và

hình thành tục “dưỡng mã” hay nuôi mã, có nơi còn gọi là nuôi “Nhang Vàng”; tục nuôi mã được bắt đầu từ khi có người mới chết, hàng ngày người nhà để một phần ăn nơi yên tĩnh và sạch sẽ trong nhà, thời gian nuôi mã ngắn hay dài tùy thuộc vào điều kiện kinh tế của mỗi gia đình, có thể là dăm bảy ngày hoặc dăm bảy năm sau khi chết; khi gia đình đã đủ điều kiện kinh tế (trâu bò, heo, bắp, rượu, gà...) sẽ tổ chức cúng làm lễ “bỏ mã”, để nói với “con ma” rằng: "từ nay mày phải tự đi kiếm ăn và đừng về nhà này nữa...". Trong lễ bỏ mã người ta còn làm trang trí nhà mồ cho người chết. Thực chất tục “nuôi mã” của người Raglai thể hiện sự quan tâm, thương xót của người sống đối với người thân đã khuất. Ý nghĩa lễ “bỏ mã” ít nhiều mang tính tương đồng với lễ mãn tang của người kinh.

Thức ăn chính hàng ngày của đồng bào thường là Bắp (Ngô), khoai mỳ (Sắn), canh lá Đu đủ, canh Bí, canh Mít, lá Sung; gia vị chủ yếu là: Muối, Ớt; trong chiến tranh, do địch bao vây chia cắt với miền xuôi, cấm vận kinh tế nên muối ăn khan hiếm, đồng bào phải dùng tro tranh và Ớt trái để ăn thay muối; ngoài ra còn có thịt rừng và cá sông là những thứ săn bắt được để cải thiện đời sống. Trong điều kiện chiến tranh tàn phá, thiên tai hạn hán, lũ lụt mất mùa đói kém, đồng bào còn phải ăn cả củ rừng, rau rừng, măng tre và trái tre nữa. Dù điều kiện kinh tế khó khăn như vậy nhưng khi cách mạng kêu gọi, đồng bào sẵn sàng sẻ chia từng củ khoai củ mì, hạt thóc cho kháng chiến, tất cả giành cho tiền tuyến. Từ lâu, đồng bào có thói quen uống nước lã, hút thuốc quấn bằng vỏ bắp khô; hút thuốc là tập tục phổ biến trong đồng bào: Già trẻ, gái trai hầu như đều biết hút. Trong các ngày lễ cưới hỏi, bỏ mã, cúng thần linh phải có Rượu cần. Rượu cần được ủ cất rất công phu, nước sánh vàng như mật ong thơm nồng, khi uống vào người ta cảm thấy ngây ngất, lâng lâng như đang bay bổng giữa núi rừng. Với người Rag lai, ché rượu cần là tài sản quý giá đứng thứ hai sau Măla, tuy nhiên giá trị của ché rượu tùy thuộc vào “tuổi thọ” của nó.

Trong quá trình sinh sống và phát triển, cùng với sự giao lưu văn hóa với các dân tộc anh em, đồng bào đã tìm thấy cho mình loại trang phục phù hợp, đặc thù: gái mặc váy với áo có ống tay dài, trai mặc quần hai ống với áo ngắn tay, gam màu được chọn: thường là đỏ, xanh, đen, trắng. Đầu không chít khăn, đội mũ, chân không đi dày dép. Ngày nay, trang phục truyền thống đồng bào chỉ mặc trong các ngày lễ trọng đại của dân tộc, còn trong sinh hoạt thường ngày, đồng bào mặc quần tây, áo sơ mi.

Hình thức cư trú của đồng bào là một đặc thù riêng biệt so với các dân tộc anh em trong cùng ngữ hệ Malayô - Pônêxia, nếu như người: Bana, Ê đê, K’Ho, Gia Rai ở Tây nguyên thường sống trong những ngôi nhà sàn dài, căn nhà đó có khi là của một nhóm người hoặc của một đại gia đình thì người Raglai lại sống trong từng ngôi nhà sàn nhỏ riêng biệt, cư trú rải rác thành từng nhóm ở các mé núi, mỗi mé núi là một chòm xóm, nhiều mé núi nhóm họp lại thành Palây (thôn), từ Palây này đến Palây kia đôi khi phải đi hết cả nửa cây Chà gạc⁽¹⁾. Loại kiến trúc duy nhất là nhà sàn với những vật liệu cơ bản như: khung gỗ, vách bằng Tre nứa, lợp mái bằng cỏ tranh hoặc là lá Buông; kết cấu nhà sàn gồm hai

phần: phần trên là để người ở, phần dưới dùng để chăn nuôi gia súc gia cầm nên dễ mất vệ sinh, ảnh hưởng đến sức khỏe của nhân dân. Ngày nay, đồng bào đã có ý thức giữ gìn vệ sinh môi trường, gia súc gia cầm đã được nuôi tách biệt với khu người ở, nên đã hạn chế được dịch bệnh.

Người Raglai không theo một tôn giáo nào mà chỉ có tín ngưỡng đa Thần Giáo “vạn vật hữu linh”. Trời, đất, sông, núi, cây cối, chim muông... đều có thể là hiện thân của thần linh: Thần Sông, Thần Suối, Thần núi, Thần Đá, Thần Rừng, Thần Bắp, Thần Nước... đồng bào lấy tên Đá, Núi, Cây rừng, Con vật làm họ cho mình và xem như là một vị thần hộ mệnh như: họ Chamaléa (cây dây máu), PatâuaXá (đá mài), Pinăng (cây cau)... đồng bào tin vào thần linh gọi chung là “Giàng”, “Giàng” là thế giới thần linh vô hình nhưng có thể xuất hiện dưới bất kỳ dạng nào; “Giàng” có thể trợ giúp con người hoặc mang tai họa đến cho con người, vì vậy đồng bào thường thờ cúng Giàng để không bị trừng phạt phải chết, để mùa màng được bội thu, con người được khỏe mạnh. Xưa kia, hàng năm đồng bào thường tổ chức cúng Giàng vào những dịp thu hoạch xong mùa màng để tạ ơn Giàng đã cho một năm mưa thuận gió hòa, mùa màng bội thu; ngược lại những năm khô hạn kéo dài, đồng bào tổ chức lễ cầu mưa; các lễ này lớn nhỏ tùy thuộc vào điều kiện kinh tế của đồng bào, có thể kéo dài 3-4 ngày hoặc chỉ làm tượng trưng; ngoài ra đồng bào còn có lễ cúng Thần Đất, Thần Lúa, thần Nước... Ngoài việc thờ cúng Giàng, đồng bào còn tin tưởng gần như tuyệt đối vào một lực lượng siêu nhân khác nữa mà theo họ là đã gây nhiều sợ hãi nhất, đó là vong linh người thân đã khuất gọi chung là “Nhang Vàng”. Do có quan niệm tín ngưỡng như trên nên trong xã hội luôn tồn tại một lớp người chuyên làm công việc thần linh, đó là Thầy cúng hay còn gọi là Bàu dầu (Pô Jêu); theo quan niệm của người đồng bào, Thầy cúng là người có khả năng giao tiếp được với các loại thần linh để cầu xin giúp đỡ hoặc trừng phạt những ai dám làm trái ý mình. Thực chất Bàu Dầu là những người có kinh nghiệm y học dân gian để chữa bệnh, khi thấy đồng bào càng mê tín dị đoan, Bàu dầu còn tạo thêm các động tác ma thuật để lừa gạt. Cách mạng về đã mang đến cho đồng bào ánh sáng khoa học, bằng tình cảm yêu thương và những việc làm cụ thể của cán bộ chiến sĩ cách mạng, đã giác ngộ được đồng bào, đã chứng minh cho đồng bào thấy: ốm đau rước Bàu dầu cúng không thể khỏi bệnh mà phải uống thuốc; cán bộ còn vận động, tuyên truyền đồng bào biết ăn, ở hợp vệ sinh để phòng chống

Chú thích:

(1) Chà gạc, loại vật dụng khá phổ biến của đồng bào dùng để phát rẫy, đồng bào thường mang trên vai mỗi khi đi rừng, cứ nửa buổi đường là trở vai một lần vừa để giảm mỏi vai, vừa để đánh dấu về mặt thời gian.

dịch bệnh, biết sử dụng cây lá thuốc nam phong phú trong núi rừng để chữa bệnh; biết thực hiện cuộc sống tiết kiệm, bài trừ các tệ nạn xã hội khác, nhờ đó làm giảm bớt vai trò Bàu dầu trong đời sống tinh thần của đồng bào.

Dưới thời Pháp xâm lược, để thực hiện chính sách ngu dân, Pháp không mở trường dạy học cho đồng bào mà chỉ tuyển chọn mỗi làng một người thuộc

tầng lớp trên cho đi học tiếng phổ thông và tiếng Pháp để làm tay sai cho chúng, nhưng không ai chịu đi học. Hậu quả của quá trình xâm lược và cai trị của thực dân phong kiến là gần 100% dân số mù chữ, đồng bào muốn tính năm thì nhớ mùa rẫy, muốn biết tháng thì xem trăng, muốn biết ngày thì cột thắt nút. Để nâng cao đời sống văn hóa, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho việc tuyên truyền các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước, năm 1960 đồng chí Mai Xuân Thuồng (Thường vụ huyện ủy) đã cùng đồng chí Hoàng Lương và Chamaléa Liêu đã ký âm theo tiếng la tinh đặt ra chữ viết cho đồng bào Raglai. Từ đó đồng bào Raglai mới có chữ viết riêng của mình để con em học tập, làm việc. Thế nhưng, có thể do ít có điều kiện truyền đạt, học tập nên thời gian qua loại chữ này đã mai một. Hiện nay, Viện Ngôn ngữ học đã nghiên cứu, biên soạn hoàn chỉnh bộ chữ viết Raglai.

Cho đến trước những ngày giải phóng đất nước, đời sống kinh tế của đồng bào còn nghèo nàn và lạc hậu, hoạt động kinh tế chủ yếu là trồng trọt và chăn nuôi kết hợp với săn bắn hái lượm, hoàn toàn mang tính khép kín, tự cấp tự túc, trong đó trồng trọt là hoạt động kinh tế chính. Vì vậy tư liệu sản xuất quan trọng nhất, cơ bản nhất của đồng bào vẫn là đất rừng.

Chế độ đất đai dưới thời vua chúa nhà Nguyễn với các dân tộc miền núi nói chung, trong đó có đồng bào các dân tộc huyện Bác Ái được hưởng quy chế riêng đó là hàng năm phải nộp cho Triều Đình ngoài thuế Đình và các loại phu phen tạp dịch khác, còn phải cống nạp những đặc sản quý hiếm như: Ngà voi, mật Gấu, Trầm hương v.v... khi thực dân Pháp chiếm được Cao nguyên gát Nam triều ra ngoài, thiết lập chế độ "Hoàng Triều Cương Thổ"⁽¹⁾, Pháp không thừa nhận quyền sở hữu ruộng đất của đồng bào các dân tộc. Sang thời “Đệ nhất cộng hòa”, Ngụy quyền miền nam chỉ quản lý được một số vùng ở Tây nguyên và chúng đưa ra Nghị định 51b về cải cách đất đai vào ngày 12/12/1950 đã qui định: “việc mua bán, đổi chác ruộng đất giữa đồng bào "Thượng" và "Kinh"⁽²⁾ dù diện tích lớn hay nhỏ cũng phải được Tổng Thống cho phép”...nhưng thực tế các vùng miền núi Ninh Thuận nói chung và Bác ái nói riêng, Ruộng đất, rừng núi vẫn thuộc quyền sở hữu của đồng bào.

Việc sử dụng đất đai hầu như tự do; hàng năm vào mùa khô, đồng bào lại phát rừng đốt rẫy, khai hoang. Ai chiếm được nhiều thì được sở hữu nhiều, làm

Chú thích:

⁽¹⁾ Chế độ cai trị do Pháp đặt ra trước cách mạng tháng 8/1945.

⁽²⁾ Thực dân Pháp gọi đồng bào các dân tộc thiểu số là Thượng; đồng bào dân tộc Chăm là Chiêm, Chm.

nảy sinh hình thức tư hữu, dần dần hình thành các chủ đất hay Đầu lớn kinh tế, có Đầu lớn chiếm giữ hàng chục ngọn núi, hàng ngàn mét Sông, hàng trăm ngàn cây Dầu Rái rồi cho đồng bào thuê mướn để thu lợi tức, từ đó đã xuất hiện sự bóc lột lao động. Năm 1963, khu ủy khu 6 ra chỉ thị “phát động quần chúng cải cách một bước về dân chủ”, các hình thức bóc lột về đất rừng được xóa bỏ;

chính quyền cách mạng trực tiếp quản lý đất rừng, chia đất cho nhân dân lao động. Nhờ vậy đồng bào có đất canh tác, tạo ra lương thực dồi dào đủ ăn và ủng hộ kháng chiến; việc làm này vừa động viên được sức dân, vừa tăng cường được mối đoàn kết toàn dân.

Tỷ lệ diện tích đất đai trên đầu người khá lớn; nhưng với cách thức cải tạo và trồng trọt thô sơ lạc hậu: phát - đốt – chọc lỗ - tía hạt, cùng với cuộc sống du canh du cư nên đồng bào chưa biết xây dựng và khai thác hệ thống thủy lợi, vì vậy năng suất không cao. Do điều kiện đất đai đồi núi nên phương thức trồng trọt chủ yếu là rẫy. Cây lương thực được chú ý nhất là “Bắp đá” vì loại cây ngũ cốc này vừa chịu được điều kiện nắng hạn, lại có thể dự trữ được lâu mà không bị sâu mọt. Ngoài cây Bắp, đồng bào còn trồng khoai mỳ, khoai lang và nhiều loại cây ăn quả như: cam, bưởi, chuối, mít, đu đủ, thom... nên từ xa xưa người địa phương thường có câu hát:

Cam đầu suối, chuối MaNai.
Thom Đá Mài, Gai Tà Lú⁽¹⁾...

Xưa kia, đồng bào huyện Bác ái không trồng lúa nước, vì quan niệm sợ “Giàng” bắt. Khi cán bộ lên xây dựng căn cứ đã kiên trì bám cơ sở, tổ chức Đảng viên và một số đồng bào nòng cốt làm thử lúa nước, đồng bào ta thấy không ai bị Giàng bắt, lại còn có lúa ăn nên đã tin và làm theo. Từ đó lúa nước phát triển nhiều nơi như: Phước Bình, Phước Hòa, Phước Đại, Phước Chính... rải rác xen lẫn với các loại cây lương thực khác ở nhiều nơi trong huyện. Cùng với trồng trọt là chăn nuôi gia súc gia cầm để sử dụng sức kéo và làm vật cúng trong các dịp tế lễ. Một số nghề thủ công nghiệp cũng ra đời như rèn đúc dụng cụ thô sơ, đan lát các vật dụng gia đình nhưng đó là những hoạt động kinh tế hoàn toàn mang tính tự phát và thường được làm vào những lúc nông nhàn, đây chưa phải là hoạt động kinh tế theo hướng sản xuất hàng hóa nên nhân dân không chú trọng đẩy mạnh và phát huy, vì vậy nền thủ công nghiệp không có điều kiện để phát triển.

Săn bắn và hái lượm cũng được chú trọng, vừa để tìm thêm nguồn thức ăn bổ sung hàng ngày, vừa tìm được những thứ quý hiếm như: mật gấu, mật ong, trầm hương... để trao đổi những thứ cần thiết khác như: muối, vải, cá khô.

Hoạt động buôn bán, trao đổi cũng xuất hiện từ thời phong kiến. Đó là một số con buôn người Kinh và Chăm đưa hàng hóa lên đây trao đổi. Tuy nhiên

Chú thích:

(1) Theo các nhân chứng lịch sử, xưa kia vùng Tà Lú xã Phước Đại có nhiều tre, là phen dậu vững chắc cho việc chống càn của địch.

lúc này trao đổi vật lấy vật, sản phẩm lấy sản phẩm là chính, cũng vì thế nên việc trao đổi ở đây là cơ hội để con buôn mặc sức ép giá; ngoài ra chúng còn dùng mảnh khoé “phù phép”, lừa đảo để lấy của cải đồng bào; nợ lãi mẹ đẻ ra lãi con, đời cha trả không hết chuyển sang đời con, những người mắc nợ không còn

cách nào khác để sống và tiếp tục trả nợ buộc phải bỏ xứ đi nơi khác. Để hạn chế sự trao đổi bất bình đẳng giữa đồng bào với con buôn, trong những năm đầu xây dựng căn cứ Bác ái 1946 - 1947, ta đã tổ chức hợp tác xã mua bán “khu ái cư” ở xã Phước Trung, hàng tháng hợp tác xã cử cán bộ đứng ra trao đổi hàng hoá trực tiếp với đồng bào, cũng thời điểm này đồng bào bắt đầu làm quen với việc sử dụng đồng tiền Chính phủ vào việc mua bán hàng hóa, song do kinh tế phát triển chưa mạnh mẽ nên đồng tiền vẫn chưa khẳng định được vai trò của mình, hoạt động mua bán vẫn diễn ra theo dạng trao đổi sản phẩm lấy sản phẩm và trở thành tập tục, thói quen; điều đó còn phản ánh rõ nét nền kinh tế tự cung tự cấp, chậm phát triển⁽¹⁾.

Từ ngày đất nước giải phóng, dưới sự lãnh đạo của Đảng, bằng những chính sách đầu tư, ưu đãi đối với đồng bào dân tộc miền núi nói chung trong đó có đồng bào các dân tộc huyện Bác ái, đời sống đồng bào ngày càng được cải thiện rõ rệt, nhất là từ sau ngày tái lập huyện, cán bộ và đồng bào huyện Bác ái đoàn, kết ra sức quyết tâm xây dựng quê hương Bác ái Anh hùng ngày càng giàu mạnh, góp phần thực hiện thắng lợi sự nghiệp cách mạng trong thời kỳ mới, cùng cả nước tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Chú thích:

⁽¹⁾ Ngày nay, nhiều nơi trong huyện đồng bào vẫn còn thói quen trao đổi vật lấy vật, sản phẩm lấy sản phẩm.

PHẦN THỨ HAI

PHONG TRÀO ĐẤU TRANH CỦA NHÂN DÂN BÁC ÁI (1930-1945)

1. Nhân dân Bác Ái đấu tranh chống ách cai trị thực dân, phong kiến (1930 - 1944)

Trước cách mạng tháng 8 năm 1945, đồng bào huyện Bác Ái bị chế độ Thực dân Phong kiến cai trị. Từ bao đời nay, đồng bào sống trong hoàn cảnh

nghèo khổ vì nương rẫy khô hạn, mùa màng thất bát và thiên tai, thú dữ; dưới sự áp bức bóc lột nặng nề của bọn thống trị tầng lớp trên, đời sống của đồng bào càng khổ cực, điều đứng hơn. Từ trong điều kiện khắc nghiệt của tự nhiên và những cuộc đấu tranh chống các thế lực thù địch bảo vệ làng bản, đã tôi luyện cho đồng bào bản lĩnh chiến đấu vững vàng như núi đá “gió mưa không quản, uy vũ không sờn”. Thực dân, phong kiến càng siết chặt xiềng xích nô lệ càng làm cho đồng bào căm phẫn tới cùng, nhiều lần đồng bào nổi dậy đấu tranh chống lại bọn cường hào tổng lý, đòi lại quyền tự do, công bằng. Truyền thống yêu nước của các dân tộc trong huyện bắt nguồn từ lòng yêu chuộng tự do, công bằng và chống ách áp bức mà tạo nên. Vì vậy, trước khi có Đảng cộng sản Việt Nam ra đời, nhiều cuộc đấu tranh tự phát, hoặc do các văn thân, sĩ phu đứng lên lãnh đạo đánh giặc là họ hưởng ứng. Như năm 1885, theo lệnh cần vương⁽¹⁾, phong trào khởi nghĩa chống Pháp của Mai Xuân Thưởng từ Bình Định kéo vào É Lâm hạ (Bác Ái đông), đồng bào trong huyện đã lo tiếp tế lương thực, xây dựng chiến lũy, dẫn đường cho nghĩa binh đánh giặc. Năm 1940 đồng bào thôn Ma Rớ, xã Phước Thành nổi dậy giết tên chánh tổng La Hằng⁽²⁾ khét tiếng gian ác từng áp bức, bóc lột thậm tệ. Tên Chánh tổng người Pháp này luôn có một lực lượng tay sai đông và uy lực, hằng ngày chúng thường đi lùng sục, ngang nhiên vơ vét của cải trong nhân dân. Sự tồn tại của một tên ngoại tộc gian ác trên vùng đất ngàn đời của ông bà là một nỗi xúc phạm lớn, như một cái gai nhăm buộc đồng bào phải nhổ, phải tiêu diệt. Tên La Hằng bị tiêu diệt chưa được bao lâu thì thực dân pháp lại đưa tên La Yên lên thay làm chánh tổng. Tưởng vụ việc tên La Hằng là một bài học cho bọn chánh tổng người pháp, nhưng tên này hung hăng cũng không kém, năm 1941, đồng bào thôn Ma Rớ xã Phước Thành lại nổi dậy tiêu diệt tên La Yên. Sau khi thực dân Pháp đã đặt ách thống trị lên hầu khắp tỉnh Ninh Thuận, thì vùng đất É Lâm chúng chưa với tay trực tiếp cai trị được. Để chuẩn bị thực hiện âm mưu đặt ách thống trị lên vùng núi rừng Bác ái cũng như để lưu thông đi lại, hành quân giữa các vùng nam Trung bộ với Tây Nguyên. Năm 1942, thực dân pháp ráo riết xây dựng con đường từ Trại Cá - Ba Ngòi (Cam Ranh - Khánh Hoà) đi qua MaTy - Tà Lú đến Tân Mỹ (Ninh Thuận).

Chú thích:

(1) Theo lịch sử Đảng bộ huyện Ninh Sơn, Tập I, trang 21, 22.

(2) Theo lịch sử Đảng bộ Huyện Ninh Sơn, Tập I, trang 31.

Trong đợt làm đường này chúng huy động và bắt ép gần 500 đồng bào trong huyện đi phu làm đường. Đang lúc đồng bào sống điều đứng khổ cực vì bị áp bức bóc lột nặng nề, ruộng rẫy bị hạn hán, mất mùa, lá cây củ rừng không đủ ăn, không có thuốc uống khi ốm đau bệnh tật, nhất là dịch thổ tả, kiết lỵ, thương hàn...làm đồng bào chết hàng loạt như làng Gia É, Gia Đoá (Phước Bình). Ở các lán trại, dân phu phải làm việc cực nhọc, ăn uống kham khổ, còn bị bọn cai thầu sĩ nhục đánh đập thậm tệ, mọi người cùng chung một ý nghĩ: nó tốt thì mình làm, nó ác thì mình phá. Đoàn dân phu như đoàn Voi cân mẫn, ngày

cuộc đất đắp thành đường, chặt cây làm cầu, đem phá đèo thành hố, nổi lửa đốt cầu. Những cuộc đấu tranh tự phát như vậy càng làm cho bọn cai thầu lòng lộn, điên cuồng và càng đánh đập dữ dội. Không thể cúi đầu chịu đựng mãi, "Tức nước vỡ bờ", đầu tháng 8 năm 1943, hàng trăm cánh tay của dân phu rắn chắc như gỗ lim, vùng mạnh cuộc xéng xông tới giết chết hai tên cai thầu gian ác và tên công sứ Pháp ở Ninh Thuận là OL - Den - Dan rồi kéo nhau về núi rừng. Phong trào đấu tranh chống bọn cai thầu của dân phu làm đường đã ảnh hưởng sâu rộng khắp đồng bào trong huyện, đặc biệt là với 300 dân phu làm ở sở Đá Bàn khai thác Vàng cho tên chủ Pô - Lô - Nanh người Pháp. Vào một buổi sáng đầu xuân 1944, ba trăm dân phu ở đây đã nhất tề đứng dậy giết chết hai tên cai và đánh trọng thương tên chủ sở Pô Lô Nanh, đốt phá toàn bộ lán trại, máy móc, tìm đường về với thôn bản. Trong vụ này, tên Pô - Lô - Nanh đã dùng súng kháng cự, bắn chết hai dân phu rồi tẩu thoát.

Các cuộc nổi dậy của đồng bào huyện Bác Ái trước cách mạng tháng tám năm 1945 là những cuộc đấu tranh chống lại sự bất công của xã hội và sự phân chia quyền lực giữa một bộ phận tầng lớp trên với đông đảo quần chúng nhân dân lao động thuộc tầng lớp dưới, đó cũng là cuộc đấu tranh của những người nông dân lương thiện bị chịu xiết dưới hai tầng áp bức, bóc lột vùng dậy đấu tranh tìm đường giải thoát cho chính mình. Tuy nhiên, những cuộc đấu tranh đó còn mang tính nội, tự phát nên chưa thật sự giải quyết triệt để mâu thuẫn xã hội, chưa tìm được con đường giải thoát cho mình để hướng tới quyền được sống tự do, bình đẳng, được làm chủ chính mình. Nhưng dư âm của những cuộc nổi dậy vẫn còn đó như đồng than hồng âm ỉ cháy, khi ngọn gió cách mạng ủa tới sẽ bùng thổi thành ngọn lửa làm thiêu hủy xiềng xích nô lệ, giải phóng con người.

2. Bác Ái trong cuộc cách mạng tháng 8 năm 1945.

Ngày 3.2.1930, Đảng cộng sản Việt Nam ra đời trực tiếp lãnh đạo phong trào cách mạng nước ta vượt qua muôn vàn khó khăn thử thách để giành những thắng lợi to lớn; Dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân khắp mọi miền tổ quốc nổi dậy đấu tranh cách mạng, tạo nên các cao trào cách mạng rộng lớn: cao trào Xô viết Nghệ Tĩnh 1930 - 1931, cao trào 1936 - 1939 và đặc biệt là đỉnh cao của phong trào cách mạng giai đoạn 1939 - 1945 với thắng lợi vẻ vang của cuộc cách mạng tháng 8 năm 1945, lật đổ ách thống trị của thực dân phong kiến, khai sinh nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, đem lại cuộc sống độc lập tự do cho toàn dân tộc. Tại tỉnh Ninh Thuận, tháng 4 năm 1930 chi bộ Đảng đầu tiên ra đời trực tiếp lãnh đạo các phong trào đấu tranh của nhân dân; đến đầu năm 1945 Việt Minh tỉnh ra đời; dưới ánh sáng của đảng, trong hai ngày 21, 22 tháng Tám năm 1945, các cấp Việt Minh Tỉnh đã kịp thời lãnh đạo quần chúng nhân dân nổi dậy đấu tranh và giành chính quyền trọn vẹn từ thị xã thị trấn đến các vùng nông thôn về tay nhân dân. Hưởng ứng cuộc khởi nghĩa trên, có sự tham gia tích cực của đồng bào các dân tộc huyện Bác Ái: vùng Tà Lú - Phước Đại, Ma Nai - Phước Thành, Đầu Suối - Phước Chiến... hàng trăm người mang theo tên, ná, gậy, gộc kéo xuống chặn đường đánh Nhật từ C'Rôm, Bà Râu, Bà Láp, Phan

Rang; tiêu biểu là tại Tà Lú có hàng trăm thanh niên lực lượng được tập trung tổ chức thành một đội, mang tên đội Rào (do Ông Rào chỉ huy); Vùng Phước Bình: Gia Ngheo, Gia É, Gia Vil dưới sự lãnh đạo của Ama Cà Ba, Ama Thu, hàng trăm thanh niên đồng bào Raglai, K’Ho, Churu mang Tên, ná xuống K’Rông Pha tham gia chặn đường đánh Nhật khi chúng tháo chạy lên Đà Lạt; phá tan lán trại của Nhật, Pháp khai thác Vàng khu vực Hòn Giàng, Đá Tận vùng Đá bốn lỗ ở Gia Vil.

Cuộc cách mạng tháng Tám thành công, một trong những nhiệm vụ cách mạng trọng tâm của tỉnh Ninh Thuận lúc này là ổn định đời sống, đẩy mạnh sản xuất; tổ chức lại hệ thống hành chính⁽¹⁾. Mặt khác mở rộng phong trào cách mạng lên các vùng miền núi trong tỉnh, tiến tới xây dựng thành các căn cứ địa, làm nơi đứng chân cho các cơ quan đầu não trong tỉnh, trực tiếp lãnh đạo nhân dân đấu tranh cách mạng trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. Thực hiện nhiệm vụ đó, giữa tháng 8 năm 1946 Tỉnh ủy Ninh Thuận đã cử một đoàn cán bộ chiến sĩ lên vùng É lâm hạ làm nhiệm vụ. Các đồng chí là những người con của mọi miền tổ quốc được Đảng giác ngộ, thành những “hạt giống cách mạng”, tình nguyện về từng thôn bản để tuyên truyền phổ biến các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước, vận động quần chúng nổi dậy đấu tranh cách mạng chống thực dân Pháp và bọn việt gian phản động. Theo đó ánh sáng của Đảng từng bước thấm nhuần vào tư tưởng đồng bào, biến các cuộc đấu tranh tự phát của đồng bào thành đấu tranh tự giác, có tổ chức chặt chẽ; từ đó phong trào cách mạng của đồng bào huyện Bác Ái đã phát triển mạnh mẽ và gặt hái được nhiều thắng lợi to lớn.

Chú thích:

(1) Tháng 2 năm 1946, Ủy ban nhân dân hành chính Tỉnh quyết định thành lập 3 huyện mới: Ninh Hải hạ, Ninh Hải thượng và Huyện Ninh Sơn, do đồng chí Trần Hiêm làm chủ tịch UBND hành chính; đồng chí Mai Mạnh phụ trách Việt Minh. Lúc này Huyện Bác Ái thuộc huyện Ninh Sơn.

PHẦN THỨ BA ĐẢNG BỘ VÀ QUÂN DÂN BÁC ÁI KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC (1946 – 1954).

1/ Bác Ái trong những năm đầu kháng chiến chống Pháp.

Cách mạng tháng 8 năm 1945 thành công, bọn Đầu lớn tay sai ở Bác Ái lung lay, mất chỗ dựa nên chúng co cụm lại và không dám hung hăng ngang

ngược như trước nữa, nhưng tàn dư của chế độ phong kiến chưa bị tiêu diệt tận gốc, mầm mống của sự áp bức bóc lột vẫn tồn tại. Đồng bào Bác Ái được nghe, được thấy cuộc sống thanh bình, yên ả của nhân dân các vùng lân cận, nay lại có cán bộ về làng giáo dục, giúp đỡ nên đã bắt đầu có sự cảm tình với cách mạng, tin tưởng vào Đảng, vào Bác Hồ, hưởng ứng tham gia các chủ trương của trên đề ra.

Nhân dân ta được hưởng quyền sống độc lập tự chủ, tự do chưa được bao lâu thì ngày 23 tháng 9 năm 1945 quân Pháp được sự hỗ trợ của thực dân Anh đã quay lại xâm lược nước ta lần nữa. Tại Ninh Thuận, ngày 28 tháng 1 năm 1946, thực dân Pháp đã nhanh chóng chiếm lại vùng đồng bằng, thị xã thị trấn, tiến hành xây dựng lại bộ máy cai trị từ trên xuống dưới, chúng đưa các tên công sứ người Pháp trước đây trở lại nắm chính quyền và kêu gọi, mua chuộc bọn việt gian bán nước tay sai, tiến tới xây dựng các trung tâm quân sự vùng Ba Ngòi, Phú thọ, Hoà Trinh, Mỹ trường...

Tranh thủ thời gian hòa hoãn để ta củng cố chính quyền, xây dựng lực lượng, chuẩn bị nhân lực vật lực cho cuộc trường kỳ kháng chiến và đẩy 20 vạn quân Tưởng Giới Thạch ra khỏi miền bắc. Ngày 06 tháng 3 năm 1946, chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hòa chủ trương ký hiệp định sơ bộ với thực dân Pháp; ở Ninh thuận, dựa vào nội dung hiệp định đã được Trung ương ký kết với địch, ngày 27 tháng 3 năm 1946 các đồng chí Lãnh đạo chủ chốt thay mặt nhân dân trong tỉnh ký với địch một hiệp định địa phương, với các điều khoản bất lợi cho cách mạng⁽¹⁾. Sau khi ký kết, hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản đã thoả thuận trong hiệp định. Hiệp định ký chưa ráo mực, bọn địch đã tráo trở phá hiệp định, đánh phá phong trào cách mạng, tổ chức hành quân càn quét, truy lùng bắt bớ cán bộ, tiêu diệt các cơ sở cách mạng mà ta mới xây dựng, tình hình cách mạng trở nên khó khăn. Trên địa bàn huyện Bác Ái, lúc này bọn Đầu lớn, Tổng lý sau một thời gian co cụm lại, nay nghe tin thực dân Pháp trở lại xâm chiếm Phan Rang - Tháp Chàm, ngóc đầu nổi dậy xây dựng, củng cố lại tay chân để tiếp tục đàn áp đồng bào và chuẩn bị tiếp ứng làm tay sai cho địch. Đến tháng 7 năm 1946, thực dân khôi phục hệ thống tổng lý và bước đầu xây dựng

Chú thích:

⁽¹⁾ Theo hiệp định: chia ranh giới vùng phía đông đường sắt bắc nam (vùng Ninh Hải hạ và Ninh Hải thượng) thuộc địch kiểm soát, dân quân đi không được mang theo vũ khí, quân Pháp có quyền di chuyển trên các trục đường giao thông chính trong tỉnh.

lượng vũ trang Gum nhê tại các thôn, đặt dưới sự cai trị của thực dân Pháp. Về đơn vị hành chính, địch tổ chức thành các tổng như: Tổng Bà Râu cai quản luôn cả vùng É Lâm hạ (Bác ái đông) do các tên Tổng Thế, Tổng Bồi, Tổng Phát thay nhau cai trị; tại đây chúng bố trí lực lượng vũ trang khoảng một trung đội do tên cai Linh, xếp Sú phụ trách. Tổng Cà Rôm do tên Rô Ô làm chánh tổng, kiểm soát vùng dân cư thuộc các thôn Ruộng Dở, Cà Giò, Ma Trai, Tập Lá. Ở tổng này, chúng xây dựng lực lượng vũ trang Gumnhê khoảng hai tiểu đội do Mang

Long chỉ huy. Tổng LaCol Là vùng đất Ê Lâm Thượng bao gồm các xã Phước Tân, Phước Tiến. Phước Thắng ngày nay, do tên LaCol làm chánh tổng, chúng tổ chức hai tổ vũ trang Gum Nhê do tên Chà Bang và Tà Kheo phụ trách. Tổng Trà Co do tên Nia làm chánh tổng, về sau tổng Trờ lên thay. Tổng Gia Bú do tên Giang⁽¹⁾ làm chánh tổng cai quản cả một vùng rộng lớn từ Tà Lọt, Hành Rạc, Gia É, Đá trắng, Gia Ó, Suối Le...(Phước Bình ngày nay) tại tổng này chúng cũng xây dựng hai tổ vũ trang Gum nhê do tên Panen và xếp phú phụ trách. Trong mỗi tổ vũ trang Gum Nhê luôn có từ 20 đến 40 tên lính, hệ thống Tổng lý và Gum nhê trên đều do tên Aly, một tên quan Pháp khét tiếng gian ác, bạo ngược điều hành và quản lý; trụ sở của Y đóng ở Trại Cá - Ba Ngòi (Khánh Hoà).

Tên Aly nói tiếng Kinh khá sành, lại thông thạo phong tục tập quán người Raglai, nên hắn dụ dỗ mua chuộc nhiều tên việt gian bán nước vào trong hàng ngũ tay sai của y. Để khuyến khích cho bọn tay sai ra sức chống phá cách mạng, tiêu diệt cán bộ ta, tên Aly thường thưởng muối, vải, rượu cho tên nào cắt được nhiều tai “Việt Minh”; với kiểu khuyến khích như vậy, bọn tay sai đua nhau giết hại cán bộ để lĩnh thưởng; đồng bào vô cùng khiếp sợ vì chúng có thể vu oan là “Việt Minh” cho bất kỳ ai ⁽²⁾.

Trước tình hình đó, tháng 6 năm 1946 các đồng chí Trần Quỳnh, Trần Thi, Mai Mạnh, Lê Tự Nhiên, Trần Hiêm... triệu tập một hội nghị tại Thuận Lợi. Hội nghị đã đánh giá tình hình ta và địch, sự thuận lợi và khó khăn của phong trào cách mạng lúc này, đồng thời củng cố và tăng cường đội ngũ cán bộ lãnh đạo, gấp rút đưa ra một số chủ trương quan trọng:

- Bầu Ban chấp hành Tỉnh uỷ, Uỷ ban Việt Minh và Uỷ ban hành chính tỉnh lâm thời.
- Củng cố và tăng cường lực lượng vũ trang; thành lập Trung đoàn 81 tiến tới xây dựng chiến khu.
- Đẩy mạnh hoạt động quân sự, tiêu hao gây rối nội bộ địch, trừ gian và chuẩn bị phát động quần chúng nổi dậy đấu tranh.

Chú thích:

⁽¹⁾ Theo lịch sử Đảng bộ huyện Ninh Sơn, Tập I, trang 45, 46.

⁽²⁾ Năm 1950, tại ổ GUM NHÊ của xếp Panen ở Phước Bình, địch giết hại đồng chí Phước cán bộ Khánh Hoà rồi cắt tai đem đổi muối.

- Tổ chức các đơn vị hành chính và lập Ban cán sự Đảng, uỷ ban Việt Minh ở các đơn vị hành chính cơ sở.

Đồng chí Trần Quỳnh được bầu làm Bí thư Tỉnh uỷ, kiêm chủ nhiệm uỷ ban Việt Minh; đồng chí Trần Nguyên Mẫn làm chủ tịch uỷ ban hành chính tỉnh...Về quân sự ta thành lập trung đoàn 81 vào ngày 19 tháng 8 năm 1946, do đồng chí Nguyễn Thế Lâm làm Trung đoàn trưởng, đơn vị đóng tại vùng Xóm Bằng núi Chúa (Ninh Hải ngày nay), nơi đây trở thành căn cứ đầu tiên của Ninh

Thuận gọi là chiến khu 19 (CK19). Khi chiến khu 19 vừa thành lập thì địch cho quân lên lùng sục, càn quét đánh phá chiến khu ác liệt. Trước tình hình đó, việc xây dựng thêm nhiều căn cứ khác ở các vùng trong Tỉnh là điều cần thiết và quan trọng, vì vậy đồng chí Nguyễn Thế Lâm đã chỉ đạo trung đoàn 81 đến vùng núi Thiên Thai, Nhị Hà (Phước Hà, Ninh Phước) thành lập chiến khu 7 vào ngày 25 tháng 8 năm 1946 do đồng chí Huỳnh Văn Huệ làm Đại đội trưởng, Sau đó trung đoàn còn cử cán bộ lên vùng núi Xanh, Đá nhon thuộc xã Phước Trung huyện Bác ái (É Lâm Hạ) thành lập chiến khu 22 vào ngày 22 tháng 12 năm 1946 do đồng chí Mai Văn Tấn làm Đại đội trưởng. Đây là chiến khu nằm ở vùng núi cao, rừng sâu, khí hậu lạnh lẽo, vào những ngày giáp tết sương mù bao phủ dày đặc nên lúc đầu các chiến sỹ thường gọi là chiến khu Pa Ri, sau đó đổi thành chiến khu 22 để nhớ đến ngày thành lập. Tiếp theo ta còn lập thêm các chiến khu 35, chiến khu 25... làm hậu cứ cho phong trào kháng chiến. Các chiến khu 22 và chiến khu 7 là nơi cơ quan đầu não của Tỉnh đứng chân, trực tiếp chỉ đạo quân dân ta suốt cuộc kháng chiến, và là nơi đầu mối giao thông liên kết quan trọng từ Bắc vào Nam, giữa khu VI với chiến trường Tây nguyên. Như vậy chiến khu Bác Ái đã ra đời từ đó, và dần dần trở thành một căn cứ địa vững chắc cho cuộc trường kỳ kháng chiến của nhân dân Tỉnh Ninh Thuận.

Cùng với việc xây dựng chiến khu, hoạt động bám cơ sở xây dựng phong trào là một yêu cầu bức thiết lúc này nhằm kêu gọi, tập hợp lực lượng đông đảo đồng bào, chung sức đồng lòng, đoàn kết đấu tranh chống Thực dân - phong kiến, quyết tâm xây dựng chiến khu trở thành căn cứ địa vững mạnh toàn diện, vì vậy giữa tháng 8 năm 1946, các đồng chí: Trần Huỳnh (Bón), Trần Hiếm (Gia), Ba Mìn, Trần kỷ, Sáu Dư, Đào kỷ... lên É lâm hoạt động, Sau quá trình khảo sát địa hình địa vật, nắm tình hình dân cư, đoàn nhận thấy đây là vùng đất có nhiều núi non hiểm trở, có thể vận dụng vào thế trận chiến tranh du kích; trên địa bàn lại có nhiều hang động kín đáo thuận lợi cho việc trú ẩn, cất giấu vũ khí, lương thực khi cần thiết. Diện tích khá rộng, dân cư trên 6.000 người chủ yếu là đồng bào Raglai, ChuRu, K' Ho sinh sống. Nằm gọn trong thung lũng É lâm là một cánh đồng rộng lớn, phì nhiêu, có thể cung cấp đầy đủ lương thực cho cuộc kháng chiến. Cả khu vực này chỉ có một con đường độc đạo đi từ Trại cá Ba Ngòi xuống Tân Mỹ, là vùng đất có nhiều thuận lợi cho cuộc trường kỳ kháng chiến chống Pháp. Vì vậy các đồng chí đã bắt tay vào công việc gây dựng cơ sở, từng bước đưa vùng đất É Lâm trở thành khu căn cứ vững mạnh toàn diện. Đoàn đã tuyên truyền đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật nhà nước, vận động nhân dân đứng dậy đấu tranh cách mạng chống bọn Tổng lý, Việt gian bán nước và đánh đuổi thực dân Pháp xâm lược. Mục đích hoạt động tuyên truyền là nhằm thức tỉnh tinh thần đấu tranh, ý thức tự chủ tự cường và sự hiểu biết về cách mạng, về Đảng và Bác Hồ của đồng bào, làm cho đồng bào thấy rằng cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và bọn việt gian bán nước là để giành nền độc lập, dân chủ cho đồng bào cả nước, để đồng bào ta ai ai cũng được no cơm ấm áo, ai cũng được học hành; nam nữ, các dân tộc đều được bình đẳng...muốn làm được điều đó đồng bào phải đứng dậy đấu tranh dưới ngọn cờ

lãnh đạo của Đảng. “Dân tộc Việt Nam ta muốn bảo vệ nền độc lập, tự do, thống nhất Tổ quốc thì dù Kinh hay Thượng, Lương hay giáo... phải có trách nhiệm đóng góp sức người sức của, xương máu, tham gia xây dựng chính quyền cách mạng để trường kỳ kháng chiến...”. Những khó khăn trong những ngày đầu hoạt động tại vùng căn cứ là không thể tránh khỏi: phần thì xa nhà, nhớ gia đình, lại không quen với phong tục tập quán, ngôn ngữ với đồng bào, lương thực thiếu thốn, rừng núi hoang vu...nhưng với tinh thần của người chiến sĩ cách mạng, các đồng chí đã động viên nhau vượt qua mọi khó khăn thử thách. Vừa thực hiện nhiệm vụ giáo dục, tuyên truyền, các đồng chí còn đến từng gia đình tâm sự trò chuyện, thăm hỏi và động viên tinh thần; cùng chia sẻ những nỗi khó khăn với đồng bào; hướng dẫn cho đồng bào biết tăng gia sản xuất, vệ sinh phòng chống dịch bệnh... bằng cả tấm lòng nhiệt tình tận tụy của mình, dần dần khoảng cách vô hình giữa cán bộ với đồng bào được lấp đầy bằng tình thương, các đồng chí nắm bắt được tâm tư nguyện vọng của đồng bào, từng bước hoà mình vào cuộc sống của đồng bào, được đồng bào thương yêu, che chở đùm bọc như anh em một nhà. Qua đợt công tác, các đồng chí đã xây dựng được một số cơ sở chính quyền đầu tiên ở các mé núi, thôn bản. Ở thôn đầu suối, ông Cha ma Léa Lực được vận động làm Chủ tịch Ủy ban kháng chiến hành chính (UBKCHC); vận động đầu lớn Mang Ba ra làm Chủ tịch ủy ban kháng chiến hành chính tại Ma Nai ⁽¹⁾; vận động ông phó Gá, một đầu lớn vùng Ma Đô, Ma Ty làm Chủ tịch UBKCHC. Tháng 2 năm 1947, các đồng chí Trần Hiêm, Trần Quỳnh, Đào Kỷ, Hồ Ngọc Thủ, Ba Min...tổ chức cuộc họp để đánh giá tình hình, rút ra một số kinh nghiệm trong công tác vận động quần chúng, đồng thời đề ra một số phương hướng cho thời gian tới. Bài học kinh nghiệm đầu tiên là: Muốn vận động được đồng bào tham gia hoạt động cách mạng thì ngoài sự nhiệt tình, làm việc đầy trách nhiệm của bản thân, các cán bộ chiến sĩ còn phải biết linh hoạt và chủ động tìm hiểu phong tục tập quán của đồng bào để hoà nhập được với họ; thực hiện tốt phương châm ba cùng "cùng ăn, cùng ở, cùng làm"... đặc biệt là để tránh xô xát, tranh thủ được bọn đầu lớn, tổng lý thì mỗi lần đến công tác tại các thôn, làng, cần tôn trọng và đặt vấn đề, thuyết phục tầng lớp này trước, qua tầng

Chú thích:

⁽¹⁾ Mang Ba là tên đầu lớn vô cùng tàn bạo và gian ác, nhân dân vô cùng căm ghét, nhưng chủ trương của trên lúc này là muốn vận động được nhân dân trước hết phải nắm được đầu lớn, theo chủ trương đó mà ta nhân nhượng và vận động ông đứng ra làm Chủ tịch Ủy ban kháng chiến hành chính.

lớp này có thể triệu tập đồng bào dễ dàng hơn. Sau đó các đồng chí chia làm hai mũi, tiếp tục hướng về cơ sở để hoạt động.

Mũi thứ nhất gồm các đồng chí Quỳnh, Đào Kỷ, Sáu Thủ đi theo đường Ma Lâm (Phước Tân) để tuyên truyền, tổ chức chính quyền. Từ Ma Lâm các đồng chí đi toả ngược lên vùng dốc Quýt, tỉnh Khánh Hoà. Đây là vùng đất đầy núi non hiểm trở "rừng thiêng nước độc"; dân chúng chưa một lần tiếp xúc với cán bộ nên tỏ ra dè chừng, thiếu thiện cảm, nhiều khi còn tỏ ra thù hằn do hậu

quả của quá trình "Buôn gian bán lận" mà bọn con buôn gây ra và sự xúi dục của kẻ địch. Ngoài ra các đồng chí còn bị bọn thượng gian bám sát, theo dõi và nhiều lần chúng tổ chức phối hợp với Pháp tại đồn Ba Ngòi để bao vây, truy quét, khiến các đồng chí nhiều khi bị bế tắc. Nhờ vào sự kiên trì, nhẫn nại và sự dũng cảm, mưu trí, một lòng một dạ vì Đảng vì dân của các anh nên mọi gian nguy thử thách đều vượt qua được. Sau đó các đồng chí toả về vùng Trà Co, Ma Nai, Ma Ty. Tại Trà co các đồng chí tổ chức Tổng Nin làm Chủ tịch ủy ban kháng chiến hành chính.

Mũi thứ hai có các đồng chí. Trần Hiêm, Ba Min đi tuyên truyền tổ chức vùng Ma Hoa, cầu Lục tiêu, cầu lục đại (Phước Thắng) lên Tập Lá hạ; Qua một thời gian vận động, các đồng chí đã vận động các đầu lớn Chà Bang, Phó Giấy, Phó Gá ra là chủ tịch ủy ban kháng chiến hành chính thôn cầu Lục, Ma Hoa, Tập Lá; sau đó các đồng chí quay về vùng Tà Lú - Phước Đại để củng cố chính quyền, ở đây đầu lớn Nhồi được vận động ra làm chủ tịch UBND và xây dựng tổ chức quân sự đầu tiên làm nhiệm vụ bảo vệ an ninh trật tự ở khu vực này do Già Rào (Chama Léa Rào) phụ trách; tiếp đến các đồng chí ngược lên hoạt động ở miền tây Bác ái: vùng Chà Banh, Đá trắng, Sa Vin, Gia Ô, Hama Da (Phước Hoà sau này) lên Gia Bú Phước Bình. Do lực lượng lúc này còn mỏng nên các vùng Tàlat, Hạnh Rạc, Gia É, Gia Trúc, Bó Lang (Phước Bình)...ta còn bỏ trống. Sau đó các đồng chí ở mũi thứ hai quay về vùng Rã, Tham Dú, Đá Mài thuộc vùng Phước Trung, Phước Kháng để hoạt động.

Như vậy từ cuối năm 1946 đến khoảng tháng 3 năm 1947, ta đã tuyên truyền, vận động đồng bào tổ chức xây dựng được chính quyền cách mạng ở hầu hết các thôn, mé núi ta đều xây dựng các ủy ban kháng chiến hành chính, đồng thời kêu gọi được một số Đầu lớn đứng ra làm cách mạng. Tuy nhiên chính quyền cách mạng ở các Thôn, Mé núi lúc này mới chỉ là hình thức, còn nội dung hoạt động còn thể hiện nhiều hạn chế, hơn nữa trong quá trình hoạt động còn gặp nhiều vướng mắc nên ta chưa thực sự nắm được toàn dân, để biến họ thành lực lượng cách mạng hùng hậu.

Do vùng đồng bằng của Tỉnh bị địch chiếm đóng, các trục lộ giao thông địch phong tỏa, việc giao thông đi lại của ta lúc này rất khó khăn và nguy hiểm. Để khắc phục tình hình trên, đồng thời cũng là thực hiện chủ trương của ban giao thông liên lạc Trung ương về việc khôi phục lại các tuyến đường nhất là sau lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh, tháng 2 năm 1947 đồng chí Đặng Quang Cầm được giao nhiệm vụ đón đồng chí Vũ Đức, Trần Đình Giông (ủy viên Trung Ương Đảng, tư lệnh quân khu IX) từ Bình Thuận ra Ninh Thuận lên chiến khu 7. Qua thực tế thấy đường từ Bình Thuận ra đến đốc Mỏ (Khánh Hòa) dài gần 300km, luôn rừng xê núi, vượt đèo khá vất vả nhưng an toàn hơn. Con đường liên lạc được phát hiện, sau đó đồng chí Đặng Quang Cầm cùng các đồng chí đồng đội khai thông và hình thành. Con đường vinh dự đặt tên Đường mòn Hồ Chí Minh chạy qua huyện Bác ái; Đường mòn Hồ Chí Minh hoạt động chưa được bao lâu thì bọn mật thám Pháp đã đánh hơi

được, chúng nhiều lần tổ chức phục kích đánh phá. Trước tình hình đó, đầu tháng 3 năm 1947, trung đoàn 81 đã thành lập một trung đội liên lạc xung phong gồm 10 đồng chí chiến sĩ do Nguyễn Văn Hoa làm đội trưởng ⁽¹⁾, Đặng Quang Cầm làm trung đội phó; trung đội liên lạc xung phong mở đường mòn Hồ Chí Minh thành ba tuyến đi qua huyện Bắc ái, bắt đầu từ trạm 18 tại Phước Trung.

- Tuyến trên đi từ trạm 18 đến Tây phước, xuyên sơn qua Phước Hoà, Phước Chính. Từ đó phải đi trên đỉnh trường sơn qua đường 21 đến phía Bắc Khánh Hoà.

- Tuyến đường giữa bắt đầu từ trạm 18 đi qua phía đông Phước Đại lên Phước Thắng, Phước Kháng, đi qua hòn Dù đến Bến Bè Gia lê rồi vượt lên phía tây Khánh Hòa.

- Tuyến đường dưới đi từ trạm 18 qua xã Phước Thành đến xã Cam Lục, Ba cụm giáp với đường 21 lên phía bắc Khánh Hoà.

Nhờ xây dựng được ba tuyến đường như vậy mà ta tránh được sự phục kích của địch. Lúc địch hoạt động đường trên thì ta đi tuyến giữa, tuyến dưới, tùy tình hình địch mà ta linh hoạt đi lại tránh được bẫy tặc. Đầu năm 1948 Trung đoàn 81 tăng cường thêm các đồng chí Phạm Nhơn (Ma Nhiên), đồng chí Phạm Hồ (Rala), đồng chí Sâm, Huê; đồng chí Trần Huê lúc này được cử làm dự bị A Phó đội xung phong sang làm công tác Dân vận.

Trên tuyến đường mòn Hồ Chí Minh từ Khánh Hoà vào Bình Thuận ta đóng 6 Trạm giao liên: Trạm trung tâm lãnh đạo đội Liên lạc đóng tại thôn Tham Dú - Phước Trung, đặt tên trạm 18. Từ Trạm 18 ra Khánh Hòa đi qua các trạm Hoàng Hoa Thám (Đồng Tâm), Trạm Phan Đình Phùng (Ma Hoa), Trạm Dốc Mỏ (Khánh Hòa). Từ Trạm 18 vào Bình Thuận đi qua Trạm 50 (CK7), Trạm 80 (ở Cà Ná) rồi vào Vĩnh Hảo (Bình Thuận). Ngoài ra còn có hai Trạm phụ khác đóng trên địa bàn huyện Bắc ái là Trạm Anh Đô đóng ở xã Phước Thắng do Anh Đô làm Trạm Trưởng; Trạm Gia Huỳnh ở Hòn Dù do đồng chí Kim làm Trạm Trưởng. Nhiệm vụ của đội xung phong vừa đưa đón cán bộ đi qua địa bàn huyện an toàn, vừa trinh sát nắm địch, vận động đồng bào nơi có đường đi qua xây

Chú thích:

⁽¹⁾ Nguyễn Văn Hoa sau này đi áp tải tiền từ liên khu V vào Bình Thuận đã dùng tiền nhà nước tiêu tùy tiện bị ta kỷ luật, sau đó Y theo Pháp; năm 1949 bị ta tiêu diệt.

dựng các cơ sở cách mạng. Để có lương thực tại chỗ, bảo đảm cho hoạt động công tác lâu dài, đội còn tổ chức lao động sản xuất lương thực, trồng lúa, bắp, mì và chăn nuôi gia súc gia cầm, đánh bắt cá, săn thú rừng nên đời sống được cải thiện đáng kể. Ngoài ra do cùng sinh hoạt gần gũi với đồng bào, mối quan hệ gắn bó giữa quân với dân được hình thành; càng ngày đội càng được đồng bào thương yêu giúp đỡ, lúc củ khoai củ mì, khi gửi bắp, nải chuối đem ủng hộ kháng chiến; đồng bào còn vận động con em hăng hái tham gia hoạt động vào

đội bảo vệ đường mòn, nhờ vậy đến đầu năm 1950, số chiến sỹ ở đây tăng lên từ 10 đến trên 50 đồng chí.

Từ cuối năm 1948 đến đầu năm 1949. Bọn mật thám Pháp giả dạng con buôn trà trộn trong đồng bào, một mặt chúng nắm tình hình quân và dân ta, mặt khác chúng tăng cường mua chuộc và câu kết với một số đầu lớn làm việc hai mặt tráo trở như Tổng Mang Gian vùng Hàm Riêu; lý Nin vùng Sông cái, kết hợp với lực lượng Gum nhê để gây rối, chống phá cách mạng. Nhờ bọn Việt gian chỉ đường, lực lượng vũ trang Pháp nhiều lần phục kích, ngăn chặn sự đi lại liên lạc, tiếp tế, đưa đón cán bộ của ta. Trong suốt thời gian hoạt động, đội bảo vệ đường mòn Hồ Chí Minh đã nhiều lần đánh phá các ổ phục kích của địch, bảo vệ thông suốt, an toàn cho việc lưu thông đi lại; đặc biệt là năm 1949 các đồng chí trong đội đã anh dũng đánh tan một trung đội địch tại xóm cỏ (Khánh Hoà). Trong đợt chạm trán này, do địch được trang bị nhiều vũ khí hiện đại nên ta đã hy sinh 6 đồng chí: Đồng chí Ngô, Cảnh, Quận, và ba người Raglai trong có một phụ nữ.

Đường mòn Hồ Chí Minh⁽¹⁾ là con đường giao thông liên lạc quan trọng nhất lúc bấy giờ của Trung Ương và liên khu 5 đi qua chiến khu Bác ái. Con đường góp phần quan trọng cho cả chiến trường Nam Trung bộ, Tây nguyên. Từ trên huyết mạch này, thông tin liên lạc, lương thực, thuốc men, vũ khí đạn dược, các đoàn cán bộ lan toả tới các thôn bản, tới các chiến trường. Thế nhưng để bảo vệ an toàn con đường mòn, ta phải đổi bằng nhiều mồ hôi, nước mắt và cả tính mạng của bao đồng bào, đồng chí và đồng đội. Tổng kết những hoạt động của đội, tháng 10 năm 1950 đồng chí Cao Đôn Luân, đại diện cho trung đội vinh dự đứng dưới cờ Đảng đọc rõ các thành tích và những kinh nghiệm hoạt động: Đội bảo vệ đường mòn Hồ Chí Minh đã tích cực xây dựng khối đoàn kết nhất trí trong nội bộ, biết vận động đồng bào gây dựng cơ sở, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao. Đội đã bảo đảm an toàn cho các đoàn cán bộ Tỉnh, khu, Trung

Chú thích:

⁽¹⁾ Trong các năm 1947 đến 1952 con đường đã đưa đón các đồng chí lãnh đạo cao cấp của Đảng như Lê Duẩn, Lê Đức Thọ. Đến năm 1950, khi huyện căn cứ Bác ái ra đời, đội đổi tên là đội vũ trang tuyên truyền Bác ái do đồng chí Mai Riêu làm Huyện đội Trưởng, chịu sự quản lý trực tiếp của Ban cán sự Bác ái, cơ quan đóng tại xóm Bộng (Phước Thành). Thời kỳ này ta chuyển một số chiến sỹ tăng cường sang hoạt động công tác dân vận ở các xã như: HaRa, Ra La, Ma Nhiên. Sau 1955 hiệp định ký kết, đội chuyển tiếp các đồng chí Trinh (Ra Tá), Tài (Bắc), Chiều (Ma Láp), Xế...

ương đi lại qua vùng đất huyện Bác ái; kiên cường anh dũng trong chiến đấu, bề dày nhiều đợt phục kích của địch... Với những thành tích xuất sắc trên, đội vinh dự được nhận bằng khen của chính phủ, huân chương kháng chiến hạng nhất. Năm 1958 đồng chí Đặng Quang Cầm, người đã có công gắn bó với con đường suốt cuộc kháng chiến đã được nhà nước phong tặng danh hiệu "Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân".

2. Chi bộ Đảng ra đời, trực tiếp lãnh đạo nhân dân đấu tranh chống thực dân Pháp xâm lược.

Sau hơn một năm đóng tại Phước Trung - Bác Ái, đầu năm 1947 cơ quan Tỉnh ủy và ủy ban kháng chiến hành chính Tỉnh chuyển về chiến khu 7 (Phước Toàn - Ninh Phước). Để chỉnh đốn lại đội ngũ Đảng và các đoàn thể quần chúng đủ sức lãnh đạo cách mạng trong tình hình mới theo chỉ đạo của khu uỷ, ngày 12 tháng 4 năm 1947 tại chiến khu 7 đã diễn ra Hội nghị cán bộ để bàn về: Công tác phát triển Đảng, củng cố chính quyền đoàn thể quần chúng, giữ vững giao thông liên lạc, củng cố lực lượng vũ trang... Hội nghị đã bầu ra Ban Chấp hành mới gồm 9 đồng chí. Đồng chí Trần Quỳnh làm Bí thư. Hội nghị cũng đưa ra chủ trương thành lập các ty kinh tế, ty Bình dân học vụ, ty trình sát và cảnh sát, ty Thông tin và lập phòng Quốc dân thiểu số do đồng chí Trần Huỳnh làm trưởng phòng, đồng chí Hiêm làm phó phòng kiêm phụ trách Đảng. Dựa trên đặc điểm địa hình và thành phần các dân tộc, toàn tỉnh được chia thành ⁽¹⁾năm Phân Phòng quốc dân thiểu số. Trong phòng quốc dân thiểu số ta thành lập một chi bộ Đảng có 5 tổ Đảng do đồng chí Dương Thanh làm Bí thư ⁽²⁾⁽³⁾. Cũng thời gian này Tỉnh đã tăng cường, điều động lên chiến khu 22 - Bác ái thêm các đồng chí: Trần Quốc Long, Nguyễn Hữu Chinh, Lê Minh Tuấn, Trần Trọng Rường....

+ Phân phòng Bác ái do đồng chí Trần Hiêm phụ trách, kiêm tổ trưởng tổ Đảng.

+ Phân phòng hy sinh (vùng CK19) do đồng chí Đặng Hữu Hiệt phụ trách.

+ Phân phòng Hạnh phúc (vùng Là A, Rò Ôn, Giá) do đồng chí Bi phụ trách.

Chú thích:

⁽¹⁾ Có ý kiến cho rằng: các cấp lãnh đạo Tỉnh đã đặt tên năm phân phòng QDTS là: Bác Ái, Hy Sinh, Tương Lai, Hạnh Phúc, An Phước thể hiện đồng bào các dân tộc thiểu số tỉnh Ninh Thuận yêu chuộng hoà bình, anh dũng chiến đấu, sẵn sàng hy sinh vì tương lai hạnh phúc...vì vậy tên Bác Ái có từ đó.

⁽²⁾ Đến năm 1948 đồng chí Trần Hiêm làm trưởng Phòng và làm Bí thư chi bộ Phòng quốc dân thiểu số.

⁽³⁾ Năm 1949 ta chủ trương nhập thành các liên phân phòng: Bác ái - Hy sinh và hai phân phòng Tương lai, Hạnh phúc thành phân phòng Tương phúc.

+ Phân phòng tương lai do đồng chí Trần Thêm phụ trách (vùng xóm Gió, Sông Chá, Trại thịt – Khánh Hòa).

+ Phân phòng An Phước (vùng đồng bào Chăm) do đồng chí Dương Thanh phụ trách.

Tổ chức Đảng đầu tiên ra đời tại Bác Ái là tổ Đảng Phân phòng quốc dân thiểu số Bác Ái gồm các đồng chí: Trần Hiêm – Bí thư chi bộ PQDTS kiêm tổ trưởng tổ Đảng và các đồng chí Trần Quốc Long, Trần Yên Thế (Trần Bang), Lê Minh Chính, Nguyễn Hữu Chính. Từ đây, Phong trào đấu tranh của đồng bào huyện Bác Ái được sự lãnh đạo trực tiếp của tổ Đảng Phân phòng quốc dân thiểu số Bác Ái, là yếu tố cơ bản quyết định cho thắng lợi trong cuộc trường kỳ kháng chiến chống thực dân xâm lược. Phân phòng Quốc dân thiểu số Bác Ái đóng tại nhà ông Phó Xá thuộc thôn Rã, xã Phước Trung, do đồng chí Trần Hiêm phụ trách, đồng chí Trần Yên Thế (Trần Bang) làm thường trực. Ngoài ra còn có một số đồng chí cán bộ cốt cán khác như: Minh Chính, Lê Minh Tuấn, Xuân, Rường, Kỳ, Min, Long, Aca Lam... và Ama Phần làm liên lạc viên. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, phân phòng Quốc dân thiểu số Bác Ái cùng các ban, ngành, đoàn thể đã phân công cán bộ về các Thôn, Mé núi để vận động đồng bào tham gia cách mạng. Tất cả các đồng chí cốt cán được chia thành 4 mũi:

- + Mũi đi về hướng tây ở các vùng Tà Lú, Trà Co, Ma Hoa, có các đồng chí Kỳ, Rường phụ trách.
- + Mũi lên phía Bắc có các đồng chí Ba Min, Lê Thuần Kỳ phụ trách.
- + Mũi đi về hướng nam có các đồng chí Bùi Duy Trinh, Nguyễn Sơn phụ trách.
- + Mũi đi về các mé núi phía Đông do đồng chí Ba Tít, Chinh phụ trách.

Khi ta triển khai kế hoạch tiến về cơ sở vào đầu tháng 9 năm 1947 thì đầu tháng 10 năm 1947 thực dân Pháp tại đồn Ba Ngòi, Bà Râu cũng tăng cường tung địch nắm dân, đẩy mạnh hoạt động bộ máy tay sai. Nhờ một số đầu lớn tiếp tay báo tin, quân Pháp tổ chức hành quân, càn quét nhiều lần. Thời gian này con đường từ Chà Panh lên Bác Ái tây bị quân Pháp ở đồn K' Rông Pha càn đi quét lại rất ác liệt, gây cho ta nhiều tổn thất nặng nề: đồng chí Lê Thuần Kỳ, Dân bị thực dân Pháp bắn chết tại Chà Panh, đồng chí Rường bị địch giết hại tại Ma Lâm. Tại thôn Đá Mài, chủ tịch Ủy ban kháng chiến hành chính xã là Mang Dò và phó Chủ tịch Mang Lai đã phản bội, chỉ đường cho Pháp giết hại đồng chí Ba Tít; tại thôn Đá Mài dưới một số cán bộ cốt cán khác của ta như anh Thuyên, anh Đào Kỳ, Phước và một số đồng bào cũng bị địch giết hại.

Như vậy sau hơn một tháng hoạt động, ta đã tổn thất rất lớn, hy sinh 7 đồng chí cốt cán và một số đồng bào; thiệt hại trên làm số anh em mới lên hoạt động ở Bác Ái thêm hoang mang, nao núng, thậm chí có đồng chí còn e sợ. Nguyên nhân dẫn đến tổn thất trên là một phần ta chưa thực sự nắm được đầu lớn, không nắm được tình hình địch, hơn nữa đa số các đồng chí mới lên hoạt động tại vùng núi Bác Ái lần đầu tiên nên chưa quen với địa bàn, chưa thực sự nắm được dân; mặt khác do kế hoạch hoạt động không được giữ gìn đảm bảo bí mật, thiếu cảnh giác với Đầu lớn phản động, làm việc hai mặt. Việc tiêu diệt số tay sai bán nước hại dân, đã vì lợi ích cá nhân cam tâm quay lại phản bội nòi giống dân tộc, phản bội cách mạng vừa để củng cố lòng tin cho đồng bào, vừa

khắc phục sự nao núng trong tư tưởng một số anh em mới là hết sức cần thiết. Giữa tháng 10 năm 1947 các đồng chí trong phân phòng Quốc dân thiểu số phối hợp với bộ đội đường dây bảo vệ đường mòn Hồ Chí Minh ở trạm 18 tiến hành truy kích, tiêu diệt những tên ngoan cố, đồng thời cảnh cáo và giáo dục một số tên Đầu lớn đã làm việc hai mặt, vừa làm việc cho ta, vừa làm việc cho địch.

Để cán bộ, Đảng viên nắm được chủ trương, đường lối của Đảng, đồng thời tổng kết, đánh giá, rút kinh nghiệm những hạn chế trong thời gian qua, chấn chỉnh lại tinh thần cán bộ chiến sĩ. Tháng 11 năm 1947 đồng chí Trần Hiếm (Bí thư chi bộ), Trưởng phòng quốc dân thiểu số triệu tập các đồng chí cốt cán tham gia đợt học chính trị trong thời gian 3 ngày; trong đợt học tập này còn có một số anh em cán bộ, chiến sĩ dưới chiến khu 19 và các cán bộ hoạt động ở huyện An Phước cùng tham gia, với nội dung:

- + Lịch sử tiến hóa loài người.
- + Cộng sản là gì?
- + Âm mưu của địch và chủ trương của ta.
- + Nhiệm vụ hiện tại của cán bộ.

Qua đợt học tập, hầu hết các đồng chí hiểu rõ hơn mục tiêu, lý tưởng mà Đảng ta đang Lãnh đạo nhân dân thực hiện, qua đó càng thấy rõ trách nhiệm của bản thân với nhiệm vụ mà Đảng giao phó. Đợt học còn góp phần củng cố niềm tin son sắt của các đồng chí đối với Đảng, vào sự tất thắng của cuộc kháng chiến. Sau đợt học tập, các đồng chí hăng hái nhận nhiệm vụ trở về cơ sở, đi sâu đi sát vào quần chúng, tích cực tuyên truyền, vận động đồng bào tham gia hoạt động cách mạng, tăng gia sản xuất. Đồng chí Thanh Sơn được giao phụ trách vùng Nha Hố, Động Thông; hướng Rã, Tà Lú do đồng chí Trần Yên Thế (Trần Bang) phụ trách; Từ vùng Ma Hoa (Phước Đại) đến Cầu Lục (Phước Thành) do đồng chí Trần Quốc Anh phụ trách; đồng chí Lê Minh Tuấn phụ trách hướng Đầu Suối, Đá Mai, Tham Dú. Do thiếu cán bộ nên phía tây Bác Ái (Phước Hoà, Phước Bình) lúc này ta chưa cử người phụ trách được. Nội dung tuyên truyền lúc này nhằm làm cho đồng bào nắm được đường lối cách mạng của Việt Minh, của Bác Hồ là làm cho đồng bào có muối để ăn, có vải để mặc, cho núi rừng ông bà không còn cảnh làm thuê đi ở cho Đầu lớn, không phải cống nạp hay đi sâu cho Pháp, bị cảnh ức hiếp lệ thuộc... "Đồng bào muốn khỏi khổ, khỏi bị áp bức, phải đoàn kết một lòng để đánh tây..."; ngày ngày các đồng chí cùng lên nương rẫy vận động đồng bào tăng gia sản xuất, đêm đến bên bếp lửa, bằng những lời nói cử chỉ thân thiện, chuyện trò trao đổi, cởi mở chân tình, với phương châm "mưa dầm thấm lâu", đường lối cách mạng từng bước đi vào đồng bào. Các anh đã khắc phục được những khó khăn ban đầu, dần dần bám trụ được; đến năm 1948 ta đã xây dựng và củng cố một số cơ sở trong quần chúng: ở thôn Đầu suối (Phước Chiến) ta tổ chức ông Lực làm chủ tịch; Thôn MaNai ta tổ chức cho Ông Chamaléa Ba làm chủ tịch, Thôn Ma Hoa, ông phó Giấy làm Chủ tịch...Thực hiện chủ trương của trên, ta còn chú trọng tổ chức các hội quần chúng như: Đoàn Thể, Thanh niên, Phụ nữ, Nông dân cứu quốc... đã được đông đảo đồng

bào tham gia; nhất là hội nông dân cứu quốc, là tổ chức của những người lao động khổ cực, nội dung hoạt động của hội phản ánh đúng tâm tư nguyện vọng của đồng bào đồng bào. Qua các tổ chức quần chúng, ta vận động đồng bào thi đua sản xuất; lấy thanh niên cứu quốc làm nòng cốt, xây dựng lực lượng dân quân ở các xã. Nhiệm vụ của dân quân xã lúc này làm công tác giao liên, nắm tin, báo cáo tình hình cho cán bộ. Mặc dù lúc này ta chưa tổ chức huấn luyện quân sự nhưng lực lượng dân quân các xã bắt đầu hoạt động khá hiệu quả. Đến những năm 1949 – 1950 dân quân xã mới có Ban chỉ huy xã đội phụ trách. Dựa trên cơ sở lực lượng này mà năm 1950 ban cán sự Bắc Ái đã tổ chức xây dựng lực lượng vũ trang tập trung và phối hợp tác chiến chống càn hiệu quả. Tuy các mé núi, các thôn xã ta xây dựng được chính quyền cách mạng cơ sở nhưng phần lớn hoạt động hiệu quả chưa cao, chỉ một số mé núi có cơ quan Tỉnh, Huyện và bộ đội đóng thì hoạt động khá hơn.

Cùng với việc vận động đồng bào xây dựng phong trào ở cơ sở. Năm 1947 ta còn tổ chức "khu ái cư"⁽¹⁾, trụ sở đóng tại thôn Rã Giữa xã Phước Trung nhằm tạo điều kiện để đồng bào được trao đổi hàng hoá. "Khu ái cư" do anh Trần Hữu Hạnh và Hồ Tiên phụ trách. Hàng tháng "khu ái cư" mở một lần trao đổi sản phẩm với đồng bào, thời gian cụ thể do hai bên quy định, đồng thời các đồng chí trong khu ái cư còn "đi nung" trao đổi hàng hóa với đồng bào miền xuôi lấy Muối, vải, xà bông, cá khô... về trao đổi trực tiếp những thứ đồng bào khai thác được. Nhiều lúc còn đứng ra đóng vai trò trung gian giám sát hoạt động trao đổi, mua bán của đồng bào với con buôn, việc làm này đã tạo điều kiện để đồng bào trực tiếp đứng ra mua sắm hàng hoá và bán, đổi những thứ sẵn có; qua đó ít nhiều đã thúc đẩy sản xuất phát triển, góp phần cải thiện đời sống đồng bào, khắc phục được nạn "buôn gian bán lận" hay "trao đổi thiếu bình đẳng" mà con buôn thường gây nên, ngăn chặn được nạn gián điệp giả danh con buôn lún sâu vào căn cứ nắm cơ sở cách mạng của ta. Hoạt động của "khu ái cư" làm cho đồng bào ta càng hiểu và tin tưởng vào cán bộ, vào Đảng, xoá bỏ được những hiểu nhầm, thù hằn dân tộc hẹp hòi mà trước đây thực dân Pháp dựng lên để thực hiện âm mưu chia rẽ.

Từ khi thành lập Chi bộ phòng Quốc dân thiểu số, phong trào cách mạng trong các vùng miền núi của Tỉnh dâng cao, bước đầu hình thành các tổ chức chính quyền nhân dân; tuy nhiên kết quả ở mỗi vùng, mỗi nơi là khác nhau. Bên cạnh những kết quả bước đầu đạt được, nhìn chung ta còn bộc lộ nhiều hạn chế.

Chú thích:

⁽¹⁾ một tổ chức như hợp tác xã mua bán.

Cũng thời kỳ này tại vùng Giá, Là A, Ca Ta thuộc phân phòng Tương lai bị tổn thất khá nặng nề, khi các đồng chí Trần Thêm, Mai Văn Hùng, Ngọc Anh, Thập, Đồ... đến vận động đồng bào, xây dựng phong trào cách mạng, bọn tay sai của Pháp chống trả quyết liệt, đồng bào thì xa lạ và lẩn trốn khi thấy cán bộ. Trong đợt hoạt động này ta đã hy sinh 4 đồng chí. Cũng giống như thất bại "Vụ Đá

Mài" ở Bác Ái năm 1947, nguyên nhân thất bại ở phân phòng Tương Lai là do đa số các đồng chí mới lên hoạt động tại vùng núi nên chưa quen với địa hình, chưa hiểu được phong tục tập quán của đồng bào, chưa tranh thủ được bọn đầu lớn để nắm dân. Trong khi tiếp cận đồng bào, chưa thực hiện nhất quán phương châm 3 cùng: “cùng ăn, cùng ở, cùng làm” để gần gũi đồng viên đồng bào... đó là những thiếu sót rất đáng tiếc của ta thời kỳ này. Tình hình phân phòng Hạnh phúc cũng khó khăn không kém, mãi đến tháng 7 năm 1948 ta mới xây dựng được một số cơ sở cách mạng.

3. Xây dựng căn cứ địa vững mạnh, đẩy mạnh chiến tranh du kích (1947 – 1949)

Xác định Bác Ái có vị trí chiến lược quan trọng trong cuộc kháng chiến, nên ngay từ khi hình thành chiến khu Bác ái, được sự lãnh đạo của Đảng và tinh thần dũng cảm, mưu trí của các cán bộ, chiến sĩ trong tổ chức: phân phòng Quốc dân thiểu số, đơn vị bảo vệ đường mòn Hồ Chí Minh và các đồng chí cốt cán tuyên truyền xây dựng cơ sở cách mạng... làm cho phong trào đấu tranh chống thực dân Pháp và bè lũ tay sai Việt gian phát triển mạnh. Trong những năm 1948 đến 1949, phong trào cách mạng trên mảnh đất Bác Ái đã chuyển dần từ thế hoạt động tuyên truyền sang đấu tranh vũ trang, chính quyền cơ sở được xây dựng hầu khắp các thôn bản, đặc biệt là ta đã vận động được đông đảo đồng bào và một bộ phận Tổng lý, Đầu lớn cùng đứng ra làm cách mạng. Tuy nhiên hoạt động vũ trang thời gian này chủ yếu là sự phối hợp giữa đơn vị bảo vệ đường mòn Hồ Chí Minh với đơn vị Mai Văn Tấn, đã tổ chức nhiều cuộc đấu tranh lớn diệt ác trừ gian, gây cho bọn GUM NHÊ tổn thất nặng nề; đồng bào lúc này chưa biết chủ động tổ chức, phối hợp đánh địch, chủ yếu làm nhiệm vụ báo tin, chỉ đường; địa bàn hoạt động khó khăn, lực lượng còn mỏng, kinh nghiệm chiến đấu chưa cao nên kết quả hoạt động vũ trang nhìn chung còn hạn chế; trong khi đó ở các thôn vùng đồng bằng lân cận, phong trào đấu tranh vũ trang đã phát triển đồng đều, vững mạnh, nên đã quét sạch các ban hội Tề, Điệp, nhiều nơi còn xây dựng lực lượng du kích địa phương làm nòng cốt cho phong trào.

Cũng thời kỳ này, thực dân Pháp đẩy mạnh hoạt động vũ trang kết hợp với tuyên truyền, mua chuộc, dụ dỗ... nên nhiều lúc xung đột đã diễn ra ác liệt. Cả ta và địch đều đẩy mạnh hoạt động tuyên truyền nắm dân, giành đất từng mé núi, ngọn đồi. Nhiều cơ sở cách mạng của ta ở mới được xây dựng, địch phá; ta tiếp tục quay lại cũng cố thành công. Tuy mục đích là cùng giành dân, giành đất nhưng mục tiêu đấu tranh của ta và địch là khác nhau. Đối với kẻ địch là cuộc chiến tranh xâm lược để áp đặt ách thống trị tàn bạo, nhằm dồn bao kiếp người lao động vào cuộc sống nô lệ, lệ thuộc, còn cuộc đấu tranh mà Đảng ta đang lãnh đạo nhân dân thực hiện là cuộc đấu tranh chính nghĩa, nhằm đưa đến cho muôn dân từ kiếp sống nô lệ, lệ thuộc được tự do, được no cơm ấm áo, được làm chủ chính mình. Chính vì cái chân lý bất hủ đó đã tạo ra sức thuyết phục tuyệt đối, để thức tỉnh tinh thần dân tộc, kêu gọi đồng bào đứng dậy đấu tranh; vì vậy đồng bào Bác ái đã giác ngộ, tin tưởng và ngã về cách mạng.

Sau hơn hai năm thực hiện kế hoạch tập trung binh lực lên chiến trường tây bắc nhằm tiêu diệt cơ quan đầu não Việt Minh... không thành. Tình hình Thực dân Pháp khắp chiến trường Việt Nam đã rơi vào thế bị động, chi phí chiến tranh dâng cao, tổn thất nặng nề. Trước những khó khăn đó, đầu 1948 Thực dân Pháp đề ra chiến lược mới “Lấy chiến tranh nuôi chiến tranh, dùng người Việt đánh người Việt” chúng tăng cường xây dựng lực lượng Ngụy quân, kết hợp sử dụng lực lượng cơ động COMMANDOS, tiến tới càn quét chia cắt, dồn dân vào làng đối với các Tỉnh Nam trung bộ.

Tại Ninh Thuận, trong hai năm 1948, 1949 mạng lưới ngụy quyền kết hợp với lực lượng cơ động ra sức đánh phá, dồn dân lập ấp rào làng nhằm kiểm soát nhân dân, cô lập lực lượng cách mạng của ta. Thực hiện chiến lược đó ngày chúng kéo quân càn quét, lùng sục bắt bớ, đêm địch mai phục khắp nơi quyết gan lặc “Tát nước bắt cá”. Nam giới từ 16 đến 60 tuổi phải vào trại tập trung ngủ mỗi tối, ngày không được đi rầy quá xa, không được mang theo lương thực thực phẩm khi đi ra đường. Những biện pháp đó của địch đã gây khó khăn rất lớn cho cách mạng: hoạt động kinh tế, sản xuất bị ngưng trệ, đời sống nhân dân càng khó khăn hơn; nhân dân mất liên lạc với cán bộ, phong trào quần chúng bị dần đoạn, đôi lúc bị chìm xuống. Chính quyền cách mạng bị địch đánh phá dữ dội, lực lượng bị tổn thất nhiều, tình hình trên buộc ta phải co cụm ở nhiều nơi hoặc rút ra ở các vùng căn cứ. Từ 1949 đến 1950, Thực dân pháp đã kiểm soát hầu khắp các vùng đồng bằng trong tỉnh. Với 96 đồn bót trên 3.488 tên được xây dựng theo các trục lộ chính và các khu đông dân cư để bao vây cấm vận kìm kẹp nhân dân. Tại vùng miền núi của tỉnh cũng như vùng căn cứ Bác ái, Pháp tăng cường xây dựng và trang bị thêm vũ khí cho lực lượng vũ trang GUM NHÊ. Một số xã lân cận như Phước Trung, Phước Chiến, bị địch càn quét dồn dân về đồn Bà Râu, Cà Rôm.

Để tránh được tổn thất, khắc phục được khó khăn, đưa cuộc kháng chiến đi đến thắng lợi là đòi hỏi cấp thiết lúc này, cũng là nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta. Vì vậy tháng 7 năm 1948 Trung ương Đảng có chủ trương "Tất cả để đánh thắng". Quán triệt chủ trương trên, các tỉnh Nam Trung bộ mở hội nghị dân chính Đảng để đề ra nhiệm vụ cụ thể phù hợp với tình hình từng địa phương: Củng cố lực lượng vũ trang, phát triển phong trào chiến tranh du kích, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân, kiện toàn bộ máy hành chính kháng chiến, chống địch càn quét dồn dân rào làng; phát động đồng bào thi đua sản xuất lương thực ủng hộ kháng chiến. Theo chủ trương đó, tháng 8 năm 1948 Tỉnh Ninh Thuận tiến hành cải cách đơn vị hành chính, sát nhập các vùng thành lập các huyện thị: huyện Thuận Nam, huyện Thuận Bắc, Thị xã Phan Rang - Tháp chàm, riêng vùng miền núi của Tỉnh thành lập huyện An Phước. Trong các mé núi huyện An Phước thành lập các xã: Xã Phước Trung, Phước Thành, Phước Kháng, Phước Chiến, Phước Thắng (Bác ái) và Phước Toàn, Phước Dân, Phước Thượng, Phước Du, Phước Lợi⁽¹⁾ (thuộc các xã miền núi của Ninh Hải, Ninh Phước, Ninh Sơn và vùng giáp ranh với Khánh Hoà ngày nay). Ban cán sự

huyện An Phước được thành lập, đồng chí Nguyễn Công Khanh được bầu làm Bí thư. Toàn huyện có 5 chi bộ trên cơ sở 5 tổ đảng thuộc 5 Phân Phòng quốc dân thiểu số với 24 đảng viên. Với số lượng Đảng viên quá ít ỏi như vậy trên 30.000 dân của toàn huyện là rất khó khăn cho sự lãnh đạo của Đảng. Để tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong tình hình mới, Ban cán sự huyện đã chú trọng đẩy mạnh công tác phát triển Đảng viên, đặc biệt là đối với cán bộ, quần chúng ưu tú các dân tộc Rag Lai, C'Ho, Chu Ru, Chăm trong huyện; tăng cường giáo dục, tuyên truyền, bồi dưỡng sâu rộng cho quần chúng, qua đó tìm ra những cá nhân có đủ điều kiện để giới thiệu vào đội ngũ Đảng. Nhờ làm tốt công tác tuyên truyền, giáo dục, ngày càng có nhiều quần chúng là con em đồng bào các dân tộc huyện Bác Ái cảm tình với Đảng, tích cực ra sức học tập, rèn luyện, phấn đấu; năm 1948 các đồng chí Chamaléa Chiến, Pi năng Ca (Phước Thành), Pi năng Thúc, Kator Thà, Chamaléa Xăng (Phước Trung) đã vinh dự được đứng vào hàng ngũ của Đảng cộng sản Việt Nam. Năm 1949 kết nạp thêm các đồng chí Chamaléa Lực, Chamaléa Như, Chamaléa Thị Lực (Phước Chiến)... Đây là những con chim đầu đàn của đồng bào các dân tộc huyện Bác Ái trong phong trào đấu tranh chống thực dân xâm lược, là hạt nhân gắn kết khối đại đoàn kết dân tộc, soi đường dẫn lối cho đông đảo đồng bào các thôn, bản qui tụ, tập hợp đứng dưới ngọn cờ Đảng. Nhờ đội ngũ nòng cốt đó, các chủ trương, chính sách của Đảng dễ thấm vào lòng quần chúng nhân dân hơn, vì trước đây công tác tuyên truyền vận động chủ yếu do cán bộ người Kinh, sự bất đồng về ngôn ngữ làm hạn chế đáng kể đến kết quả, nay có thêm các nòng cốt là người địa phương tham gia tuyên truyền giáo dục, đồng bào dễ dàng hiểu tin tưởng vào Đảng, vào cán bộ, tích cực góp sức đấu tranh, hăng hái lao động sản xuất, vận động con em tham gia kháng chiến. Cũng thời kỳ này, vùng căn cứ Bác Ái hình thành tổ Đảng ở các xã: Tổ Đảng xã Phước Thành, Phước Trung, Phước Chiến. Việc huy động được quần chúng đồng bào các dân tộc huyện Bác Ái đứng vào hàng ngũ của Đảng để cùng gánh vác nhiệm vụ lãnh đạo nhân dân tham gia cuộc trường kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược là một kết quả vô cùng to lớn của ta. Cuối năm 1949, huyện An Phước cử các đồng chí Trần Viết Hằng, Tu Tấn

Chú thích:

(1) Tháng 8 năm 1948, tỉnh chủ trương nhập vùng I và vùng IV thành huyện Thuận Bắc; vùng II và vùng III thành huyện Thuận Nam; vùng V nhập với Tháp Chàm của vùng IV thành thị xã Phan Rang - Tháp Chàm. Lúc này huyện Bác Ái thuộc về huyện An Phước. Để thể hiện rõ quyết tâm chống giặc giữ làng của đồng bào các dân tộc huyện An Phước, các cấp lãnh đạo đã đặt tên các xã: Toàn, Dân, Thượng Du, Trung, Thành, Kháng, Chiến, Thắng, Lợi; sau này ta thành lập thêm xã Đoàn kết.

Minh lên căn cứ Bác Ái hoạt động. Các đồng chí là một trong những hạt nhân phong trào cách mạng vùng Bác Ái sau này.

Trải qua một chặng đường đấu tranh gian khổ từ năm 1946 đến 1949, huyện Bác Ái từ một “vùng trắng cách mạng”, đồng bào các dân tộc chưa hiểu

gì về Đảng, thì đến cuối năm 1949 cơ sở cách mạng đã xây dựng được ở nhiều mé núi, đồng bào đã hiểu và làm theo lời của cán bộ, mạnh dạn tham gia vào các phong trào cách mạng. Đó là kết quả của quá trình bền bỉ vận động, đấu tranh với tâm lòng quả cảm của những “hạt giống cách mạng”, cũng là sự thể hiện tâm lòng kiên trung: “Trung, Thành, Kháng, Chiến” của đồng bào các dân tộc huyện Bác Ái cùng với quân dân cả tỉnh Ninh Thuận trong cuộc kháng chiến chống Pháp. Qua thực tế hoạt động đã đúc kết được nhiều bài học kinh nghiệm, cho dù phải đổi bằng mồ hôi, xương máu, dù phải dốc hết nhân lực vật lực, là bài học quý báu cho chặng đường kháng chiến tiếp theo của huyện nhà.

4. Chinh đồn lực lượng, phối hợp với các địa phương khác đánh bại thực dân Pháp xâm lược (1950-1954).

Tháng 12 năm 1949, Đại hội đại biểu Tỉnh Đảng bộ Ninh Thuận lần thứ nhất họp tại chiến khu 7, từ ngày 6 đến ngày 11 tháng 12. Tham dự Đại hội có 62 đại biểu đại diện cho các chi bộ cơ sở khắp trong tỉnh. Đại hội đã nhận định tình hình mọi mặt của tỉnh trong thời gian qua đồng thời đề ra phương hướng nhiệm vụ cho thời gian tới; Bầu lại Ban chấp hành mới, tuyên dương khen thưởng một số chi bộ có thành tích xuất sắc trong công tác vận động quần chúng trong thời gian qua. Qua 6 ngày làm việc, Đại hội đã đưa ra một số nhiệm vụ quan trọng trong thời gian tới là: Xây dựng Đảng bộ Ninh Thuận thành một Đảng của đồng đảo quần chúng; đông về số lượng, mạnh về chất lượng, đủ sức lãnh đạo phong trào trong tình hình mới; với phương châm phát triển đi đôi với củng cố. Đối tượng phát triển Đảng là đồng đảo quần chúng công nông, dân quân, phụ nữ; đặc biệt chú ý đến đối tượng không thoát ly. Công tác phát triển Đảng phải bảo đảm 3 tiêu chuẩn của Trung Ương đề ra: Tán thành chủ nghĩa cộng sản, tán thành cách mạng và hăng hái làm việc, đồng thời phải có tư cách đúng đắn. Riêng đảng viên người dân tộc thiểu số có 3 tiêu chuẩn riêng là: Cảm tình cộng sản, hăng hái làm việc, có tư cách tốt. Chỉ tiêu phát triển Đảng được nghị quyết Đại hội chỉ rõ: mỗi huyện thị, đến tháng 3 năm 1950 số chi bộ tăng lên gấp đôi. Đối với các chi bộ vùng miền núi đến tháng 3 năm 1950 mỗi chi bộ phát triển thêm 3 đảng viên mới và đến tháng 6 năm 1950 tăng gấp 3 lần so với quý I; Cho phép một số chi bộ được chủ động dựa theo chủ trương đường lối của trên mà xây dựng kế hoạch và chương trình hành động cụ thể cho sát với tình hình địa phương. Nghị quyết Đại hội cũng nêu rõ: tiến về làng là nhiệm vụ trọng tâm của 6 tháng đầu năm năm 1950. Về đơn vị hành chính, đầu 1950 ta giải tán hai huyện Thuận Bắc và Thuận Nam ở đồng bằng để thành lập các xã lớn do tỉnh trực tiếp lãnh đạo. Riêng thị xã Phan Rang - Tháp Chàm và huyện An Phước thì giữ nguyên đơn vị hành chính, nhưng huyện An Phước tách vùng miền núi thuộc phân phòng Quốc dân thiểu số Bác ái, Tương Phúc để thành lập các huyện căn cứ. Tháng 3 năm 1950 Ban cán sự Bác ái được thành lập đồng chí Cầm (Hít) làm bí thư Ban cán sự Đảng nhưng vẫn trực thuộc sự lãnh đạo của huyện ủy An Phước. Do số đảng viên trong huyện lúc này chưa nhiều nên toàn huyện thành lập một chi bộ ghép gồm đảng viên các xã với đảng viên của cơ quan Ban cán

sự, lấy bí danh là chi bộ Bắc Sơn trực thuộc huyện An Phước quản lý. Đến tháng 10 năm 1950 Tỉnh uỷ Ninh Thuận chính thức quyết định tách khu căn cứ Bắc ái ra khỏi huyện An Phước, thành lập huyện căn cứ do Tỉnh uỷ Ninh Thuận trực tiếp chỉ đạo, Huyện uỷ Bắc Ái được hình thành. Đồng chí: Trần Sinh (Ca)⁽¹⁾ nguyên bí thư huyện Thuận Bắc trước đây làm Bí thư, các uỷ viên huyện uỷ có Nguyễn Huệ (Ama Phương); phụ trách quân sự có đồng chí Mai Riêu và đồng chí Lập (Cà đốp), đồng chí Võ Thế Kỹ phụ trách chính quyền. Huyện Bắc ái ra đời từ đó với các xã: Phước Trung, Phước Thành, Phước Kháng, Phước Chiến, Phước Thắng, Phước Đại và vùng miền tây Bắc ái (bao gồm dải đất từ Phước Chính, Phước Tiên, Phước Tân, Phước Hòa, Phước Bình ngày nay); toàn huyện có 60 thôn với khoảng 5.500 dân, trong đó có 30 thôn với 3.000 dân ta đã xây dựng được chính quyền cách mạng. Việc thành lập huyện được đồng bào các dân tộc trong huyện đồng tình, phấn khởi. Từ đây, phong trào đấu tranh của nhân dân Bắc Ái được sự trực tiếp chỉ đạo của Ban cán sự huyện nhà, là một trong những nhân tố quan trọng thúc đẩy phong trào đấu tranh cách mạng đi lên giành thắng lợi.

Sau Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Ninh Thuận lần thứ I tháng 12 năm 1949, đến tháng 10/1950 các cơ sở Đảng của huyện đã kết nạp thêm 10 đảng viên mới, do số lượng Đảng viên không cao nên ta chủ động thành lập được 3 chi bộ ghép: Chi bộ Phước Kháng - Phước Trung⁽²⁾ *do đồng chí Kiệt làm Bí thư Chi bộ Phước Chiến - Phước Thành do đồng chí Tu Tấn Minh làm Bí thư; chi bộ Phước Thắng - Phước Du do đồng chí Hồng Sơn làm Bí thư; xã Phước Đại chưa có Đảng viên, nên Ban cán sự huyện đã đưa đồng chí Ha Ra về đây tổ chức và xây dựng, đồng thời đưa một số cán bộ, nhân dân ở xã Phước Thành về Phước Đại làm ăn sinh sống, làm nòng cốt cho phong trào như: Ama Xổn, Ama Pớ, Ama Cẩn, đồng chí Xanh; đến cuối năm 1951, công tác phát triển Đảng được làm tốt nên xã Phước Đại thành lập được chi bộ gồm 7 Đảng viên: Ama Phiến, Ama Bồi, Ama De, Ama Nhi và đồng chí Gia Hoàng, Mười, do HaRa*

Chú thích:

⁽¹⁾ Đồng chí Trần Sinh nguyên Bí thư huyện Thuận Bắc; Khi đồng chí Sinh được cử đi học ở liên khu 5 thì đồng chí Nguyễn Huệ lên thay. Sau Đại hội lần thứ II (12/1951) đồng chí Nguyễn Huệ đi học chính trị ở liên khu 5, đồng chí Đỗ Thành (Đỗ Mạnh Hùng) lên làm Bí thư; đến 1953 đồng chí Đỗ Mạnh Hùng bị đau chân, tỉnh cử đồng chí Đỗ Đạt Khoáng làm Bí thư. Cũng trong thời gian này đồng chí Chama Léa Lự: Ủy viên Ban Cán sự Bắc Ái lên làm Chủ tịch thay đồng chí Kỳ, đồng chí Trần Hùng Sơn phụ trách quân sự thay đồng chí Mai Riêu, đồng chí Kỳ, nguyên cán bộ ban cán sự cực nam làm huyện uỷ viên.

⁽²⁾ Một thời gian sau, đồng chí Trần Viết Hằng làm Bí thư phụ trách cả 3 xã Phước Trung, Phước Kháng và xã Đoàn Kết.

làm Bí thư. Nhờ thực hiện tốt chủ trương phát triển đảng viên mới trong quần chúng nhân dân, nên đến cuối năm 1950 đầu năm 1951 toàn Đảng bộ tỉnh Ninh Thuận có 2340 đảng viên. Riêng vùng Bắc Ái có 150 đảng viên là người dân tộc

thiểu số. Rõ ràng đây là một kết quả vô cùng to lớn và ý nghĩa, góp phần thắng lợi cho cuộc trường kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp. Đến đầu những năm 1951, 1952, mỗi xã trong huyện đã đủ điều kiện để thành lập một chi bộ độc lập như:

- Chi bộ xã Phước Trung do đồng chí Trần Viết Hằng (A Pui) làm Bí thư
- Chi bộ xã Phước Thắng do đồng chí Thành làm Bí thư ⁽¹⁾
- Xã Phước Thành do đồng chí Nguyễn Huệ (Thường vụ Huyện uỷ) làm bí thư chi bộ.
- Chi bộ xã Phước Kháng do đồng chí Kiệt làm Bí thư.
- Chi bộ xã Phước Chiến do đồng chí Tu Tấn Minh làm bí thư.
- Chi bộ xã Phước Đại do đồng chí Trần Hùng Sơn làm bí thư.

Bên cạnh việc củng cố và phát triển Đảng, bộ máy chính quyền cách mạng các cấp huyện - xã - thôn được củng cố xây dựng. Ở cấp khu căn cứ ta thành lập (UBKCHC) uỷ ban kháng chiến hành chính do đồng chí Lực làm chủ tịch, đồng chí Kỷ làm thư ký. Uỷ ban mặt trận Liên Việt cũng được thành lập do đồng chí Chamaléa Lực làm Chủ tịch, đồng chí Ca phó Chủ tịch⁽²⁾; cán bộ quân sự do đồng chí Mai Riêu phụ trách; Công an huyện do đồng chí Tín phụ trách. Phụ trách Hội phụ nữ huyện có chị Hương, Hoa, chị Nguyệt... Ở cấp xã có uỷ ban kháng chiến hành chính xã, uỷ ban mặt trận xã, và các hội quần chúng như: Thanh Niên, Phụ nữ, Nông dân, tổ vận động công, xã đội, Công an... Lúc đầu chủ tịch uỷ ban kháng chiến hành chính xã thường do cán bộ người kinh phụ trách, nhưng từ 1951 về sau ta mạnh dạn đưa cán bộ người địa phương lên nắm giữ; Bộ máy Uỷ ban kháng chiến hành chính thường có 5 thành viên, trong đó có 2 cán bộ người kinh, được phân công một đồng chí làm phó Chủ tịch, một đồng chí làm thư ký, ghi chép sổ sách văn bản và tham mưu giúp việc, còn lại là cán bộ người địa phương.

Về xây dựng lực lượng vũ trang. Sau khi thành lập huyện Bác Ái, Tỉnh uỷ Ninh Thuận chuyển trung đội bảo vệ đường mòn Hồ Chí Minh thành đội vũ trang tuyên truyền trực thuộc Huyện uỷ Bác Ái; đây được xem là đơn vị bộ đội địa phương đầu tiên của huyện nhà với 25 chiến sĩ do đồng chí Đặng Quang Cầm làm trung đội trưởng. Bộ đội huyện ngoài chức năng bảo vệ đường mòn Hồ Chí Minh, bảo vệ căn cứ, còn có nhiệm vụ thường xuyên tuyên truyền vận động nhân dân tích cực tham gia kháng chiến. Đội vũ trang tuyên truyền còn là nòng cốt để xây dựng dân quân các xã. Hàng tháng hàng quý đội cử cán bộ xuống các xã đội thôn đội để tổ chức huấn luyện quân sự và tập huấn các

Chú thích:

⁽¹⁾ Sau một thời gian đồng chí Ta Cây tức Chân làm Bí thư.

⁽²⁾ Đồng chí Ca, Lực là những cán bộ Huyện đầu tiên thuộc người Raglai.

trình chính trị cho lực lượng dân quân: Anh Kinh được phân công huấn luyện vùng Phước Kháng, Ra La về vùng Phước Chiến, Ha Ra phụ trách Phước Đại,

anh Ngẫu được trên cử về huấn luyện tại xã đội Phước Trung, Đồng chí Ma Nhiên được phân công về huấn luyện vùng xã Phước Thắng. Nhờ vậy đồng bào dần dần biết được cách diệt ác phá tề, chống địch càn quét để bảo vệ thôn xóm. Trong quá trình huấn luyện, đội đã rút 25 chiến sĩ dân quân địa phương bổ sung cho Bộ đội huyện trong đó có 3 đồng chí nữ như: chị Tào, chị Nhánh, chị Ly. Đây là 3 chiến sĩ nữ đầu tiên tham gia lực lượng vũ trang huyện nhà. Nhờ sự xác định đúng đắn vị trí vai trò của lực lượng vũ trang trong tình hình mới, cũng như sự quan tâm kịp thời của ban cán sự Bác ái và Tỉnh uỷ Ninh Thuận nên trong giai đoạn từ 1951 đến 1952 lực lượng vũ trang của huyện phát triển mạnh mẽ: Huyện đội được thành lập, các xã Phước Chiến, Phước Trung, Phước Kháng, Phước Thành đã thành lập xã đội, riêng Phước Thắng thành lập một tổ dân quân. Sự ra đời của lực lượng dân quân du kích ở các xã đã đẩy mạnh phong trào chiến tranh du kích toàn huyện phát triển mạnh mẽ⁽¹⁾. Lực lượng vũ trang của huyện phát triển vượt bậc cả về số lượng và chất lượng, hoạt động đã đi vào nề nếp chính qui, luôn ở tư thế sẵn sàng chiến đấu, và bước đầu hình thành lực lượng ba thứ quân. Tính đến năm 1951 toàn huyện có đến hơn 1000 dân quân du kích.

Trong khi lực lượng ta ngày một trưởng thành, thực dân Pháp cũng tăng cường xây dựng lực lượng vũ trang, đẩy mạnh hoạt động gián điệp và mạng lưới tay sai "Việt gian" để chống phá cách mạng. Trung tâm chỉ huy của mạng lưới tay sai đóng tại Ma Du do tên Chà Ban cầm đầu, tên MaRing phó chỉ huy⁽²⁾. Hậu quả là vùng Ma Du, Cầu Lục thượng, Cầu Lục hạ, Hà Lá thượng, Hà Lá hạ, Đá Ba Cái, Tập Lá và một phần thuộc xã Phước Chiến ngày nay bị chúng ráo riết theo dõi tình hình, hà hiếp, đe dọa đồng bào. Được đà, một số đầu lớn phản động, nổi dậy thiết lập đường dây liên lạc tề điệp trong vùng với Chà Ban để tổ chức quấy phá cách mạng, sát hại cán bộ như: tại Ma Du có tên phó Lý trưởng Xà Ta; ở Ma Nai tên Phó Lý Mang Ba cũng làm việc cho Chà Ban; tại Tập Lá hạ, Đá Ba Cái (Phước Thành) có Phó Lý Nhai làm Lý Trưởng cũng làm tay sai cho Chà Ban; tại Ma Rớ tên Mang Gá...Hệ thống tay sai này nằm dưới sự trực tiếp chỉ huy của bọn Pháp đóng ở đồn Krông Fa.

Công tác Dân vận được chú trọng, từng bước đi sâu vào đồng bào, gặt hái được nhiều thành quả to lớn. Ban chấp hành của các tổ chức đoàn thể cứu quốc: Phụ nữ, Nông dân, Thanh niên... Ở huyện căn cứ Bác ái, cuộc vận động xây dựng cơ sở quần chúng cách mạng đã thu được kết quả to lớn, tạo tiền đề ra đời các tổ chức chính quyền, Đoàn thể từ huyện đến xã, thôn, là điều kiện thuận

Chú thích:

⁽¹⁾ Năm 1951, các xã Phước Thành, Phước Kháng, Phước Chiến, Phước Trung đều thành lập xã đội, Riêng ở Phước Thắng thành lập một tổ dân quân, ở xã Phước Đại ta chưa xây dựng được xã đội.

⁽²⁾ cả tên ChàBan và MaRing đều là đầu lớn.

lợi để phát động các phong trào thi đua yêu nước trong đông đảo quần chúng đồng bào. Từ đầu năm 1950 đến tháng 10 năm 1952, đoàn thể quần chúng của huyện phát triển mạnh mẽ: Thanh Niên có 507 đoàn viên; Phụ nữ có 1233 hội viên, trong đó có 80 người là hội viên của hội “Mẹ chiến sĩ”⁽¹⁾; Nông dân có 768 hội viên. Các đoàn thể quần chúng huyện Bác Ái tích cực vận động nhân dân tăng gia sản xuất, phối hợp với Bộ đội để xây dựng lực lượng dân quân du kích, tham gia rèn cán chỉnh quân, canh gác bố phòng, bảo vệ mùa màng, ủng hộ nuôi quân. Tiêu biểu là ở các xã: Phước Trung, Phước Thành, Phước Chiến, Phước Thắng, mặc dù luôn bị bọn tay sai phản động chống phá nhưng đoàn thể của những xã trên đã chủ động tìm mọi biện pháp đề móc nối với cán bộ, báo tin tình hình địch, tham gia kháng chiến bằng mọi hình thức. Chị em phụ nữ ở nhà thì vận động chồng con và người thân không đi lính cho địch, không nghe theo lời dụ dỗ của kẻ xấu, với thôn làng thì vận động nhân dân tăng gia sản xuất, ủng hộ lương thực cho cách mạng. Nhờ vậy, tháng 5 năm 1950, tỉnh phát động phong trào “tranh thủ mùa màng” để động viên nhân tài vật lực ủng hộ chiến dịch Hè, nhân dân Bác Ái đã đóng góp được 1.346 đồng Đông Dương; trong chiến dịch Đông Xuân, nhân dân trong huyện ủng hộ 55.520 đồng tiền Việt Nam...Hàng hái tham gia kháng chiến, có cảm tình với cách mạng, nhiều nữ đồng chí là Mẹ, là Chị thuộc đồng bào các dân tộc huyện nhà đã vinh dự đứng vào hàng ngũ của Đảng như chị Tào, chị Nhánh, chị Hoa xã Phước Chiến; Mẹ Chamaléa Thị Lú xã Phước Trung, Chama Léa Thị Ba ở xã Phước Kháng...Đoàn Thanh Niên tích cực tham gia bố phòng canh gác bảo vệ mùa màng, thôn xóm, tham gia hoạt động du kích, dân quân, xung phong đi bộ đội...Hội nông dân đẩy mạnh phong trào thi đua sản xuất, không khí thi đua sôi nổi diễn ra khắp nơi trong xã, khí thế cách mạng hừng hực, báo trước sự thắng lợi của cuộc trường kỳ kháng chiến mà toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta đang thực hiện. Tháng 3 năm 1951, bằng chiến dịch Đông Xuân, quân ta tấn công địch nhiều nơi trong tỉnh, nhiều đồn bót và ban Hội Tề vùng đồng bằng đã tiêu diệt. Đến cuối năm 1951 khi chiến dịch Đông Xuân kết thúc, địch đánh chiếm lại vùng đồng bằng, bắt dân rào làng, rào riết phong tỏa kinh tế, ngăn chặn sự tiếp tế của ta; kết hợp với dụ dỗ, chiêu an chiêu hàng làm cho lực lượng kháng chiến của ta gặp rất nhiều khó khăn. Tình hình trên ảnh hưởng đến vùng miền núi Bác Ái, bọn Gum Cao Hổ, Cao Tiến, được đà dẫn quân lên càn quét dân làng, giết hại cán bộ. Quân địch từ các đồn Bà Râu, Cà Rôm, Ba Ngòi càn lên vùng Ruộng dân, Tập Lá xã Phước Chiến; Ma Nai, Ma Dú xã Phước Thành...Trước khó khăn trên, Ban cán sự Bác Ái chủ trương chỉnh đốn lực

Chú thích:

⁽¹⁾Hội “Mẹ chiến sĩ” là hội của những Mẹ nhận cán bộ, chiến sĩ làm con nuôi. Ở xã Phước Thành có Bà Má thư ký làm Hội trưởng. Má thương yêu cán bộ, chiến sĩ như các con ruột của Má, những lần thiếu lương thực, Má lên rừng đào củ, hái rau ăn, nhường Bắp cho Bộ đội. Số cán bộ về làm con nuôi các gia đình ở mé núi như: đồng chí Đặng Quang Cầm về làm con nuôi nhà đồng chí Như; đồng chí Tường về làm con nuôi gia đình Ông Tộc, đồng chí Mùa về làm con nuôi trong nhà Lý Đa.

lượng, tăng cường bố phòng đánh địch, đẩy mạnh sản xuất, xây dựng khối đoàn kết nhất trí trong nội bộ Đảng và đoàn kết nhân dân, vv... theo tinh thần trên, tình đoàn kết quân dân được phát huy cao độ, nhân dân vừa canh tác, vừa tổ chức canh gác bố phòng cẩn mật, mỗi khi có địch càn, quân ta đều được báo cáo kịp thời, nên hạn chế được tổn thất, quân ta chủ động tiêu diệt địch hiệu quả; nhiều đợt càn quét của địch bị dân quân du kích các xã phối hợp với huyện đội đánh bại; đặc biệt dân quân các xã đã chủ động dựa vào địa hình núi rừng hiểm trở để xây dựng trận địa mai phục, kết hợp vũ khí hiện đại với nhiều loại vũ khí thô sơ: băng cung, hàm chông đánh địch. Điển hình nhất là sáng kiến của ông Ba Tiêm và ông Hoàng, xã đội Phước Chiến, là một trong những đồng bào Raglai đầu tiên biết sáng chế ra hệ thống băng cung, hàm chông chống càn, đánh địch. "Con đò, con heo rừng phá hoại mùa màng bị ta rượt đuổi, đánh nó, nó sẽ sa vào băng cung hàm chông thế nào cũng bị đâm chết, vì vậy cán bộ Cụ Hồ nên cho bà con xã đội, thôn đội làm thật nhiều chông, băng cung cạm bẫy, gài cắm trên dọc đường đi vào các thôn, rẫy, nhà cửa để ngăn chặn địch tấn công lên ..." Băng cung, hàm chông ở núi rừng Bác Ái là nỗi khiếp sợ đối với kẻ địch, góp phần ngăn cản bước những đợt càn quét của địch; phong trào dùng vũ khí thô sơ chống càn ở xã Phước Chiến đã trở thành gương điển hình, lan rộng ra các xã khác trong huyện. Tháng 7 năm 1951, đội vũ trang tuyên truyền kết hợp với đội bảo vệ đường mòn Hồ Chí Minh bao vây đánh phá Gum ở Ma Dú, Ma Rớ, Cầu Lục bắt tên Ma Ring và Chà Ban ở Hà Lá Hạ, Phước Thắng, số còn lại tháo chạy về vùng Khánh Hoà. Nhờ có sự chuẩn bị kỹ càng và được dân quân, du kích ở xã, thôn phối hợp giúp đỡ nên ta đã gây cho địch thiệt hại nặng nề. Việc xây dựng lực lượng vũ trang tuyên truyền và lực lượng bộ đội địa phương, đồng thời hình thành lực lượng dân quân du kích xã ở Bác Ái đã gạt hái được thành quả to lớn, trong quá trình hoạt động để lại nhiều bài học kinh nghiệm quý báu cho các địa phương khác trong tỉnh noi theo. Cuối năm 1952 tỉnh tiếp tục thành lập thêm huyện căn cứ Anh Dũng và bước đầu có sự bố phòng, phối hợp đánh địch.

Cùng với những thắng lợi trên mặt trận đấu tranh vũ trang, mặt trận văn hóa, văn nghệ được chú trọng và phát triển mạnh mẽ. Từ khi thành lập huyện, được cán bộ về địa phương, cùng lao động sản xuất, cùng đánh địch, cùng ăn ở sinh hoạt đã tạo ra mối quan hệ gắn bó thân thiết giữa cán bộ với nhân dân, góp phần làm ổn định đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân. Vào những ngày lễ hội hay những lần ăn mừng thắng trận, mừng mùa màng bội thu, bên ánh lửa bập bùng, tiếng Mã La âm vang núi rừng hòa cùng âm vực trầm hùng của thanh đàn đá, lúc thì những bài hát ca ngợi Đảng, Bác Hồ và ca ngợi tinh thần chiến đấu dũng cảm của quân dân ta; khi thì những lời ru, điệu múa dân gian được thay phiên trình diễn trong niềm vui hân hoan của đồng bào, chiến sỹ, hoạt động trên đã cổ vũ tinh thần đấu tranh bất khuất chống thực dân xâm lược của quân dân ta. Các lớp Bình dân học vụ được mở để dạy chữ, đêm đêm bên bếp lửa, nhiều lứa tuổi hăng say cần mẫn tập đọc tập viết. Dù còn nhiều khó khăn thiếu thốn nhưng đồng bào tích cực tham gia học tập để biết được chữ, biết con số

thay cho thất gút và con trắng xưa kia...Ngoài học văn hóa, đồng bào còn được cán bộ giáo dục cho cách trông trọt, chăn nuôi, được hướng dẫn ăn ở hợp vệ sinh, biết sử dụng thuốc khi đau ốm, đặc biệt là biết tìm và sử dụng một số lá thuốc sẵn có trong rừng để chữa bệnh tật, thực hiện nếp sống tiết kiệm, hạn chế lãng phí trong các ngày lễ.

Đến cuối năm 1951 đầu năm 1952, Huyện căn cứ Bác ái đã phát triển vững mạnh toàn diện, trên nhiều lĩnh vực: kinh tế, chính trị, quân sự, văn hoá, xã hội, đủ sức đương đầu với quân địch. Huyện Bác Ái chuyển sang thời kỳ hoàn toàn chủ động trên chiến trường, trở thành điển hình tiêu biểu trong tỉnh và liên khu 5.

Theo tinh thần chỉ đạo của Đại hội Đảng toàn quốc lần II tháng 2 năm 1951 và Đại hội Đảng bộ liên khu 5 lần II vào tháng 8 năm 1951; Tỉnh Ninh Thuận tiến hành Đại hội đại biểu tỉnh Đảng bộ lần thứ II tại CK7, từ ngày 25 đến ngày 31 tháng 12 năm 1951. Đại hội đã đề ra một số phương hướng, nhiệm vụ thời gian tới đó là: nhiệm vụ về xây dựng lực lượng vũ trang, tích cực xây dựng cơ sở; phát động quần chúng đấu tranh đòi trở về làng củ làm ăn; phát triển phong trào chiến tranh du kích; công tác xây dựng Đảng; xây dựng căn cứ, đô thị...Đồng thời phê bình một cách nghiêm túc những tồn tại, hạn chế trong thời gian qua. Đại hội đã rút ra hai bài học lớn về: Quan điểm xây dựng quần chúng và Phương châm kiên trì vận động cách mạng, đồng thời xác định: “Cuộc kháng chiến của nhân dân ta là phải trường kỳ gian khổ, tự lực cánh sinh”; nhiệm vụ bao quát cho thời gian tới là: Ra sức giành dân, củng cố và phát triển cơ sở chính trị, đẩy mạnh chiến tranh du kích; lãnh đạo quần chúng đấu tranh với nhiều hình thức từ thấp lên cao, tạo điều kiện để xây dựng phong trào chiến tranh du kích sâu rộng; đẩy mạnh sản xuất kinh tế...Đại hội một lần nữa khẳng định: huyện căn cứ Bác ái có vị trí chiến lược rất quan trọng đối với tỉnh và vùng cực Nam, là nơi bảo đảm một phần hậu cần, bổ sung lực lượng, huy động sức người sức của cho cuộc kháng chiến; là đầu mối thông tin liên lạc giữa liên khu V với khu VI và tây nguyên, làm bàn đạp cho quân ta luồn sâu vào nam tây nguyên ... và đề ra nhiệm vụ, chủ trương, phương châm công tác cho căn cứ Bác ái: "phải không ngừng xây dựng Bác ái thành khu căn cứ kháng chiến vững mạnh toàn diện cả chính trị, kinh tế, quân sự... thành hậu phương an toàn, vững chắc cho chiến trường Ninh Thuận, làm chỗ đứng chân của cơ quan lãnh đạo và lực lượng vũ trang của tỉnh. Tiến hành các công tác ở Bác ái phải nắm vững phương châm: kiên nhẫn, thận trọng, chắc chắn. Trong sách lược xây dựng khối đại đoàn kết phải coi trọng việc tranh thủ tầng lớp trên, vận động tề điệp và các tổ vũ trang Gum nhê, để qua tầng lớp này trừng trị bọn ngoan cố...",vv...

Đầu năm 1952, tỉnh ủy Ninh Thuận đã tăng cường đồng chí Đỗ Mạnh Hùng (Thành), phó bí thư Tỉnh ủy lên làm bí thư Huyện Bác ái. Các cơ quan Đảng, chính quyền, đoàn thể, quân sự từ xã đến huyện được củng cố và bổ sung thêm một số cán bộ; số Đảng viên được phát triển và bổ sung từ các nơi về hoạt động ở các xã trong huyện ngày một nhiều, đông về số lượng, mạnh về chất

lượng; các xã: Phước Thành, Phước Kháng, Phước Chiến, Phước Trung...là những nơi có phong trào phát triển toàn diện; đặc biệt là thôn Đầu Suối xã Phước Chiến. Để thuận lợi cho hoạt động; Ban Cán Sự huyện đã thành lập các đảng ủy cơ sở như:

+ Đảng ủy xã Phước Thành do đồng chí Tường làm Bí thư, sau đó là đồng chí Nguyễn Huệ (Ama Phương) thay.

+ Đảng ủy Phước Chiến do đồng chí Tu Tấn Minh (Minh Chính) làm Bí thư Đảng ủy.

+ Đảng ủy xã Phước Kháng do đồng chí Thanh làm Bí thư.

+ Đảng ủy xã Phước Thắng do đồng chí Tiến làm Bí thư.

+ Đảng ủy xã Phước Đại do đồng chí Xuân làm Bí thư.

+ Đảng ủy xã Phước Trung do đồng chí Trần Viết Hằng (APui) làm Bí thư.

Các tổ chức chính quyền, mặt trận đoàn thể từ thôn đến xã, huyện được củng cố. Ban cán sự thôn gồm: một đồng chí làm thôn trưởng phụ trách chung, một đồng chí phụ trách dân quân du kích, một ủy viên phụ trách công tác hành chính và một đồng chí phái viên của huyện cầm chốt hoạt động. Ở cấp xã, bên cạnh đảng ủy xã có ủy ban Liên Việt xã, các Hội cứu quốc như: Thanh Niên, Phụ nữ, Nông dân, Phụ lão, Thiếu nhi... Bộ máy Liên Việt xã có 7 đồng chí gồm: một hội trưởng, một hội phó, một thư ký, hai ủy viên thường trực và hai phái viên hoạt động các thôn. Chính quyền xã gồm có: một Chủ tịch xã, một phó Chủ tịch (xã lớn thì có 2 phó Chủ tịch), một đồng chí phụ trách quân sự, một đồng chí làm ủy viên thư ký; tất cả các ban ngành đoàn thể đều chịu sự quản lý trực tiếp của đảng ủy xã. Các cơ quan Đảng ủy, xã đội, thôn đội...đều có trụ sở hoạt động riêng.

Tháng 1 năm 1952, huyện Bắc Ái vinh dự đón đoàn đoàn kiểm tra của Ban cán sự Cục Nam và Tỉnh ủy Ninh Thuận về tình hình phong trào đấu tranh cách mạng các xã miền núi, đoàn gồm các đồng chí:

1. Lê Văn Hiền - Bí thư tỉnh ủy Ninh Thuận.
2. Bình (Râu) ủy viên Ban cán sự Cục Nam.
3. Nguyễn Thọ Sơn.
4. Võ Thành Hay (Hoài).

Đoàn đánh giá cao về những thành tích của quân dân Bắc Ái trong cuộc đấu tranh chống thực dân và bọn tay sai phản động, nổi bật là thành tích trong phong trào chiến tranh du kích, xây dựng thế trận chiến tranh nhân dân. Đoàn đã chọn xã Phước Chiến nơi có phong trào chiến tranh du kích mạnh nhất của huyện để kiểm tra. Xã Phước Chiến nằm ở phía Đông bắc của huyện Bắc ái, có 9 thôn (mé núi) với 290 gia đình trên 2.040 dân, là đơn vị đã phát động phong

trào toàn dân đoàn kết đánh địch giữ làng. Đội dân quân du kích xã có 185 chiến sĩ, Đảng ủy xã có 56 Đảng viên, Đoàn thể, Phụ nữ có 501 hội viên, Hội Nông dân có 300 hội viên...mọi tầng lớp nhân dân đều tập hợp, tham gia vào các hội, đoàn thể quần chúng, tích cực phối hợp đánh địch chống càn, vạch mặt bọn đầu lớn phản động. Ở các thôn Đầu suối, Động Thông nhỏ, Góc Dừa của xã Phước Chiến có phong trào chiến tranh du kích phát triển mạnh. Thôn Đầu Suối luôn có một trung đội du kích làm nhiệm vụ trinh sát, báo tin, đánh địch, do đồng chí Patau Axá Hoàng làm xã đội trưởng phụ trách. Nơi đây, địch thường càn quét từ đồn Bà Râu, Ba Ngòi vào hoặc từ vùng Khánh Sơn (Khánh Hoà) đánh vào thôn Động Thông. Nhiều khi địch còn càn quét từ Tân Mỹ, từ Phước Kháng vào Phước Chiến. Xã Phước Chiến lúc này như một bình phong chặn địch từ Ba Ngòi, Bà Râu đánh vào căn cứ Bác ái, vì vậy ta đã ra sức xây dựng và bảo vệ xã Phước Chiến để gây ảnh hưởng đến vùng địch hậu ở Cà Rôm, Bà Râu, tạo thành bàn đạp tiến sâu vào vùng sau lưng địch. Giữ được Phước Chiến là giữ được giao liên Bắc Nam, giữ được thế chủ động trên chiến trường Bác ái. Đối với địch, chiếm được Phước Chiến là có thể uy hiếp được cả vùng căn cứ Bác ái, tiêu diệt lực lượng kháng chiến của ta. Sau khi kiểm tra, Đoàn kết luận: Xã Phước Chiến tiêu biểu toàn diện và phổ biến kinh nghiệm xây dựng xã Phước Chiến cho các xã miền núi của các tỉnh vùng cực Nam. Từ năm 1952 đến 1953 xã Phước Chiến trở thành một cứ điểm quan trọng mà cả ta và địch đều ra sức tranh giữ từng mé núi, ngọn đồi.

Địch thực hiện bao vây cấm vận kinh tế tạo ra “hành lang trắng hàng hoá” nhằm làm suy kiệt đời sống kinh tế đồng bào, cắt đứt các đường dây viện trợ lương thực của đồng bào cho bộ đội; tăng cường hoạt động vũ trang như: tích cực bắt lính, xây dựng lực lượng nguy quân, đẩy mạnh hoạt động tổ vũ trang Gum ở các vùng mé núi, theo dõi kiểm soát tình hình, vừa tổ chức đánh phá, càn quét, quấy rối. Ngoài đấu tranh kinh tế, vũ trang chúng còn tổ chức đấu tranh chính trị tư tưởng vào đồng bào bằng việc dựng lên hệ thống Tề Điệp bí mật dụ dỗ mua chuộc, tác động vào tinh thần cầu an, tiêu cực; bằng mọi mảnh khóc, thủ đoạn: bịp bợm, mị dân, gieo tư tưởng nọc độc, ham sống sung sướng trên mồ hôi xương máu của người khác, sống bạc nhược; gây tư tưởng ngờ vực kháng chiến, nói xấu cán bộ và lãnh tụ hòng làm giảm lòng tin của đồng bào ta vào sự thắng lợi của cuộc kháng chiến trường kỳ chống Pháp mà đảng và nhân dân đang thực hiện...đã làm một số cán bộ, đồng bào hoang mang dao động tư tưởng.

Về hoạt động vũ trang của ta. Xác định được vị trí chiến lược của căn cứ Bác Ái, Tỉnh uỷ Ninh Thuận và ban cán sự cực nam chủ trương triển khai xây dựng lực lượng: Tăng cường xây dựng dân quân du kích đông về quân số, mạnh về chất lượng; được trang bị một số súng Trường Anh và Pháp, mìn, thuốc nổ đồng thời tăng cường công tác huấn luyện, rèn cán chỉnh quân. Để hỗ trợ cho hoạt động vũ trang, bên cạnh việc chăm lo sản xuất lương thực, đồng bào ta còn tích cực tham gia bố phòng toàn diện; băng cung, hầm chông kết hợp với mìn,

bẫy đá được gài cắm quanh nương rẫy, nhà cửa và dọc các con đường yếu điểm, hình thành nên những trận địa mai phục; tháp canh được xây dựng ở các cổng thôn làng. Mỗi khi có địch càn, tiếng mõ gác từ tháp canh vang lên, tức thì từ cành cây, hòn đá vô tri đều trở thành trợ thủ đắc lực cùng quân dân nhất tề đứng dậy tiêu diệt kẻ thù; Đến năm 1952 huyện Bắc Ái có 2 Trung đội Bộ đội địa phương; toàn huyện có 752 du kích, đến năm 1953 huyện có gần 900 du kích. Từ năm 1952 đến 1954 phong trào chiến tranh du kích tại Bắc Ái phát triển mạnh mẽ, đủ sức để chống lại các hoạt động quân sự, bao vây kinh tế, áp đặt chính trị của địch.

Được sự chỉ đạo của Huyện ủy Bắc Ái, sự kết hợp lực lượng ba thứ quân được tiến hành nhuần nhuyễn, Huyện đội và dân quân du kích được phối hợp chặt chẽ, cùng với sự kiên quyết đấu tranh anh dũng của quân dân Bắc Ái, gây cho địch nhiều tổn thất nặng nề. Đỉnh cao là những tháng cuối năm 1952 ta tổ chức đánh địch đến 12 trận, bẻ gãy nhiều trận càn quét của địch, trong đó tiêu biểu như trận đánh ở các thôn Ruộng Dân, Đầu Suối, Tập Lá vào tháng 11 năm 1952, khi quân địch vừa tiến quân càn quét vào làng, rơi vào trận địa mai phục, dân quân du kích bốn bề hò reo, nhất tề đứng dậy, quân địch hoang mang rời hàng ngũ, rơi vào hầm chông, băng cung, tên ná bay mịt mù làm quân địch thiệt hại nặng nề, âm mưu tiêu diệt xã điển hình Phước Chiến của địch bị phá sản. Suốt thời gian từ 1952 đến khi hiệp định đình chiến Giơnevơ được ký kết vào năm 1954, lực lượng du kích ở các thôn Đầu Suối, Động Thông, Xóm Dừa, Tập Lá xã Phước Chiến luôn giữ tư thế sẵn sàng chiến đấu một tiểu đội du kích, toàn xã có một trung đội. Sự phối hợp giữa dân quân du kích, lực lượng vũ trang và sự tham gia bố phòng của nhân dân tạo ra sức chiến đấu mới; quân dân huyện Bắc Ái đã đưa phong trào chiến tranh du kích phát triển đến đỉnh điểm, luôn giành được thế chủ động trước kẻ địch trên chiến trường. Phương pháp bố phòng bằng Băng cung, bẫy đá, hầm chông, kết hợp với canh gác đã được phổ biến và lan truyền trong nhân dân thành những câu ca để nhắc nhở

... Rừng núi nay đã bốn bề chông cung
 Dân quân du kích nói chung
 Nghe Pháp sắp đến tứ tung mỏ gào
 Rừng núi tất cả đồng lòng
 Pháp lên ta diệt thành công giữ làng...

Vì thế mỗi lần nghe lệnh đi càn quét ở vùng Bắc ái, quân lính của địch rất lo sợ, viện nhiều lý do để từ chối hoặc rút rút tiền bạc để trốn tránh nghĩa vụ, có tên còn đi cúng bói cầu cho tai qua nạn khỏi...

Trong những năm 1952 đến 1953. Công tác binh vận, địch vận được ta chú ý khai thác triệt để, đem lại hiệu quả cao. Như vụ ta làm tan rã tổ GUM NHÊ của Tổng Cung xã Phước Thắng. Tại đây, cơ sở anh Đen đã theo dõi và nắm được quy luật hoạt động của Tổng Cung rồi báo tin cho đồng chí Chinh.

Bằng những lời lẽ, lí luận sắc bén của người chiến sĩ cách mạng, đồng chí Chinh đã giải thích cho Tổng Cung thấy rằng: “con đường cách mạng của Đảng ta là đúng đắn, ai làm tay sai cho Pháp, giết hại đồng bào, dòng tộc mình là không tốt cần phải trừng trị, nếu nhận thức rõ và sửa lỗi sẽ được tha thứ...” Tên Tổng cung đã giác ngộ và ngã về phía cách mạng, dẫn bộ đội đi lấy vũ khí. Cũng thời gian này ta tiêu diệt tổ GUM NHÊ của tên Chà Bang tại Hà Lá Thượng. Lần thứ nhất Bộ đội huyện kết hợp với dân quân du kích mai phục diệt nó ở Đá Mài nhưng không được, lần thứ hai được đồng bào báo tin tên Chà Bang đang ăn đám ma ở Hà lá Thượng, Bộ đội, du kích bố trí bao vây xung quanh. Trong khi đồng bào tập trung ở đây rất đông nhưng không dám chỉ mặt cho Bộ đội vì sợ Y trả thù, Bộ đội không ai biết mặt tên Chà Bang. Tình hình đang khó khăn, đúng lúc ấy, Chị A Wây Năm, một phụ nữ Raglai từng là nạn nhân của sự bóc lột, hà hiếp của

tầng lớp trên, **không** nén được căm hận, đã dũng cảm chỉ mặt tên Chà Bang cho Bộ đội bắt. Nghe tin Chà Bang bị bắt, nhiều tên Tề, Gum ở Bác Ái hoang mang giao động, nhiều tên tháo chạy sang Khánh Hoà. Tiếp đến, ta truy kích, tiêu diệt các tổ Gum ở Tà Lú của đội Rào; đội Rạng ở Ma Trai (Khánh Sơn), tiêu diệt tên xếp Lợi ở miền tây (Phước Hòa)... Ta nắm rõ đặc điểm từng gia đình có con em đi lính cho địch, trong số đó đa số là lười biếng lao động và chủ yếu xuất thân từ tầng lớp trên, một số ít xuất thân là nông dân lương thiện nhưng kém hiểu biết nên bị kẻ địch dụ dỗ mua chuộc. Ta đã đến từng hộ gia đình để vận động họ về với núi rừng, về với chính nghĩa, sau đó lợi dụng họ cài cắm vào hàng ngũ của địch làm công tác địch vận; vận động đồng bào phát hiện và tố giác bọn việt gian bán nước. Trước đây đồng bào thường có tư tưởng cầu an hoặc sợ bọn địch trả thù, nhưng thời gian qua do khí thế cách mạng đang lên, đấu tranh vũ trang đã thu được những kết quả to lớn, đã củng cố niềm tin, nên đồng bào không còn sợ bọn Đâu lớn tay sai nữa, hăng hái tham gia mọi hoạt động, kể cả việc chỉ mặt bọn Đâu lớn phản động, báo tin, dẫn đường, nhờ đó hoạt động diệt ác trừ gian thu được nhiều kết quả cao.

Ngoài ra, dân quân du kích các xã còn phối hợp với nhau diệt Gum, chống càn quét. Năm 1952 một đại đội Pháp càn vào MaDú (Phước Thành). Du kích xã có 30 người do đồng chí Chúc chỉ huy đã chặn đánh, tiêu diệt 4 tên lính Pháp, Sau đó chúng rút qua xã Phước Chiến, xã Phước Thành cử một tổ dân quân do đồng chí Tâm chỉ huy sang phối hợp với xã Phước Chiến chặn đánh, tiêu diệt thêm 5 tên nữa. Vừa chiến đấu, vừa xây dựng củng cố đội ngũ; trải qua những năm tháng thử thách, đến những năm 1952, 1953 dân quân du kích các xã ngày càng trưởng thành hơn. Nếu như trước đây, để chống địch càn dân quân các xã phải phụ thuộc vào lực lượng vũ trang huyện thì từ 1953 về sau nhiều xã đội đã tự lãnh đạo quân dân chủ động bố phòng chống càn, đánh địch; tiêu biểu như năm 1953 địch được bọn tay sai chỉ đường, càn quét từ Bà Râu đi tránh qua các điểm bố phòng của ta vào thôn Đầu Suối xã Phước Chiến. Do địch tấn công bất ngờ, lực lượng hùng hậu, được trang bị nhiều vũ khí tối tân nên lúc đầu đã làm cho dân chúng chúng hoang mang, một số đảng viên nao núng. Trước tình hình

đó, đồng chí Bí thư xã đã triệu tập đông đảo cán bộ, chiến sĩ, già làng và đông đảo đồng bào chủ trì một cuộc họp khẩn cấp để bàn bạc tìm kế chống càn đánh địch, củng cố đội ngũ. Sau khi nghe ý kiến của đồng bào, cuộc họp đã quyết định chia thôn Đầu Suối làm hai phần và chia lực lượng dân quân du kích làm hai tổ. Đồng chí Pa tau A xá Hoàng làm tổ trưởng dân quân thôn Đầu Suối A, đồng chí Pi năng Thanh làm tổ trưởng ở thôn Đầu Suối B. Tại cuộc họp này, các đồng chí cũng phân loại Đảng viên để chọn ra những Đảng viên trung kiên với Đảng làm cốt cán, đẩy lùi tiêu cực; kiểm điểm phê bình một số đồng bào và cán bộ đã có tư tưởng nao núng thỏa hiệp; phân tích vạch rõ âm mưu thủ đoạn của địch để đồng bào chiến sĩ nắm rõ... Nhờ có sự giải quyết nhanh nhạy kịp thời nên một mặt quân dân xã Phước Chiến đã đẩy lùi đợt càn quét của địch, đồng thời đã giáo dục động viên cán bộ và đồng bào, cổ vũ tinh thần dân tộc, yêu quê hương làng bản của đồng bào trong Xã.

Đến giữa năm 1952 đầu năm 1953, lực lượng vũ trang toàn huyện đã phát triển mạnh mẽ, phối hợp với lực lượng vũ trang Tỉnh tổ chức nhiều đợt chặn đánh, tấn công tiêu diệt địch. Tháng 9 năm 1952, đại đội 210 cùng du kích xã Phước Trung đánh một trung đoàn Ngụy quân tại Hóc Roong, tiêu diệt một tiểu đoàn ngự Lâm quân của Bảo đại từ Lâm Đồng càn xuống Ninh Thuận. Đầu tháng 7 năm 1953, quân dân Bác Ái phối hợp với đại đội 219 chặn đánh một trung đoàn địch do tên trung tá Hoàng Phú Hải chỉ huy càn quân vào Hóc Roong, làm chúng thiệt hại nặng nề; thể và lực của địch trong Tỉnh bị sa sút, Binh lính địch ngày càng hoang mang dao động. Lực lượng vũ trang cách mạng đã đánh thắng nhiều trận và phát triển toàn diện đủ sức tiêu diệt địch trong điều kiện mới, càn động viên quân dân trong tỉnh và trong huyện; từ những thắng lợi trên chiến trường, các tổ GUM NHÊ ở Bác Ái đã rạo rẻ, giải tán, một số ít bị thực dân Pháp đến tước vũ khí, số còn lại tự giao nộp vũ khí cho ta và đứng về phía cách mạng. Các mé Núi, thôn trước đây là vùng bị địch chiếm, nay đồng bào đã trở về sinh hoạt đoàn tụ yên bình.

Trên mặt trận đấu tranh kinh tế, quân ta cũng thu được nhiều kết quả to lớn. Trước tình hình bao vây cấm vận của địch, Huyện ủy Bác Ái hướng dẫn cho đồng bào đấu tranh kinh tế kết hợp với chính trị như: vận động đồng bào đấu tranh tẩy chay, không đi lĩnh giấy Carter của địch⁽¹⁾ nhưng vẫn đi nhận muối, vải của chúng. Ta chủ trương phát triển các “đoàn nung trà trộn vào lòng địch” để kịp thời nắm tình hình Tề, Điệp, qua đó có đối sách thích hợp; tranh thủ lợi dụng tổ Gum nhê của tên Rận để đi lĩnh muối, vải của Pháp cấp. Vận động đồng bào đấu tranh lý lẽ để hỗ trợ cho đấu tranh kinh tế xóa bỏ “vành đai trắng hàng hoá”, xóa bỏ chủ trương bao vây cấm vận kinh tế. Tổ chức dân công xuống núi lấy muối, vải, cá khô... để đảm bảo đời sống và chiến đấu. Tuy nhiên, lúc này ở vùng miền Tây Bác ái như các xã: Phước Bình, Phước Hòa, Phước Tiến, Phước Tân... cơ sở cách mạng còn mỏng, phong trào nhìn chung còn yếu, nhiều nơi còn nằm dưới tầng áp bức, quấy phá của bọn Đầu lớn phản động. Trước tình đó, Tháng 2 năm 1954, Huyện ủy Bác ái đề ra chủ trương “Tây tiến” nhằm đẩy mạnh xây

dựng các tổ chức cơ sở quần chúng, móc nối củng cố cơ sở cũ, phát triển cơ sở mới để không ngừng mở rộng căn cứ Bác ái giáp với tỉnh Lâm Đồng. Phương châm được đề ra: xây dựng cơ sở đến đâu củng cố đến đó. Đội cán bộ “Tây tiến” được thành lập gồm có 17 anh em cán bộ chiến sỹ:

Chú thích:

(¹) giấy Carter là loại giấy phép có chức năng gần giống giấy thông hành do Pháp cấp.

1/ Đồng chí Trần Huê (Phương) làm trưởng đoàn phụ trách chung.

2/ Đồng chí Đặng Quang Cầm đội trưởng đội vũ trang tuyên truyền phụ trách quân sự.

3/ Đồng chí Trần Viết Hằng (Apui) phụ trách chính trị viên.

Ngoài ra còn có các đồng chí là ủy viên của đoàn như: Nguyễn Thanh Xuân, Trần Kim Ba, Phạm Hồ (Rala), Dung, Chiêu, Chị Hương (phụ trách Phụ nữ), Thoại⁽¹⁾ (tức A Xá), Ma Nhiên (Phạm Văn Nhơn)...Qua một thời gian công tác đoàn đã phát triển phong trào, xây dựng cơ sở ở nhiều mé núi, mở rộng vùng căn cứ; tiếp tục tiêu diệt một số ổ Gum còn cứng đầu chống đối, vận động động viên tinh thần đồng bào. Vượt qua mọi khó khăn trở ngại, đoàn đã đoàn kết thống nhất nội bộ chặt chẽ, tích cực hoạt động và hoàn thành mọi nhiệm vụ, đưa phong trào kháng chiến 3 xã trên phát triển không ngừng. Trong khi đoàn Tây tiến đang tiến hành công tác có kết quả tốt thì đến ngày 7 tháng 5 năm 1954, quân ta đập tan cứ điểm quân sự Điện Biên Phủ của thực dân Pháp, một cứ điểm mạnh nhất của địch ở Đông Dương, buộc địch phải ngồi vào vòng đàm phán, ký kết hiệp định Giơ-ne-vơ với ta vào ngày 20 tháng 7 năm 1954, với nội dung “Hai bên ngừng hoạt động vũ trang...các nước tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân 3 nước Việt Nam, Lào, Cam-Pu-Chia; Pháp rút quân khỏi chiến trường Đông Dương; hai bên lấy vĩ tuyến 17 làm giới tuyến quân sự, tạm thời chia nước ta làm hai miền...”. Thực hiện tinh thần hiệp định, cuối tháng 7 năm 1954, đoàn trở về vùng miền đông Bác Ái để nhận nhiệm vụ trong tình hình mới. Đến cuối tháng 7 năm 1954, không còn bóng quân xâm lược trên đất Bác Ái. Trải qua những năm tháng đấu tranh gian nan, khổ cực, đánh đổi nhiều hy sinh mất mát, nay đồng bào Bác Ái phấn khởi, tự hào bước vào cuộc sống hoà bình, với nhiệm vụ cách mạng mới.

Chú thích:

⁽¹⁾ Thoại tức Axá sau này phản bội ta làm tay sai cho địch.

PHẦN KẾT LUẬN

NGUYÊN NHÂN, Ý NGHĨA, BÀI HỌC KINH NGHIỆM

Bác Ái là căn cứ cách mạng của tỉnh Ninh Thuận. Dưới chế độ cai trị của thực dân và bọn đầu lớn phản động, cuộc sống của đồng bào vô cùng khó khăn gian khổ: luôn phải đối mặt với đói nghèo, bệnh tật; đời sống tinh thần gò bó, tù túng và chìm đắm trong vòng cai trị “ngu dân” của kẻ thù. Từ trong điều kiện khắc nghiệt đó, đã hun đúc cho con người ở đây tinh thần đoàn kết tương trợ lẫn nhau và tấm lòng yêu quê hương làng bản. Khi ánh sáng của Đảng đến với đồng bào các dân tộc huyện Bác Ái, đồng bào đã nghe theo lời Đảng, nhận làm “Gốc rễ của cây cách mạng”, cùng đứng ra chung sức đồng lòng với các dân tộc anh em trong dòng “Con lạc cháu hồng” Việt Nam, đoàn kết, kiên trì bền bỉ đấu tranh anh dũng, đập tan ách cai trị của các thế lực thù địch, giải phóng quê hương sạch bóng quân thù.

Trải qua chặng đường đấu tranh với thực dân, phong kiến vô cùng nham hiểm, xảo quyệt, trong điều kiện khó khăn phức tạp và đầy hy sinh gian khổ, nhưng “lửa thử vàng gian nan thử sức”, quân và dân Bác Ái luôn vững vàng kiên định trong lúc thắng lợi cũng như khi khó khăn nhất, để giành thắng lợi trọn vẹn. Nhìn lại những thành quả đạt được, chúng ta càng tự hào hơn về con người, về mảnh đất Bác Ái Anh hùng, về Đảng Cộng sản Việt Nam mà đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại.

1. Nguyên nhân thắng lợi:

* Sự lãnh đạo tài tình, sáng suốt của Đảng là nhân tố quyết định cho mọi thắng lợi.

Nguyên nhân của thắng lợi trên trước hết là do có sự lãnh đạo đúng đắn, kịp thời của Đảng bộ các cấp, nhất là Đảng bộ huyện căn cứ Bác Ái. Với quan điểm: cách mạng là sự nghiệp của quần chúng. Đảng bộ đã động viên, tổ chức, lãnh đạo đồng bào trong huyện đứng lên đánh giặc, biến núi rừng Bác Ái thành một mặt trận, mỗi người dân là một chiến sĩ, mỗi thôn, xóm, mé núi, ngọn đồi là một pháo đài đánh địch. Đảng bộ luôn luôn quán triệt và chấp hành nghiêm chỉnh đường lối, chủ trương chiến lược của cấp trên, vận dụng sáng tạo vào điều kiện cụ thể của địa phương. Nhờ vậy mà trong suốt những năm kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược cùng bè lũ tay sai, quân dân Bác Ái luôn giữ được sự thống nhất cao đối với trên, luôn gắn được chiến trường Bác Ái với chiến trường chung trong tỉnh và khu, làm cho cuộc chiến tranh nhân dân không

ngừng phát triển, cùng với nhân dân toàn tỉnh giành thắng lợi to lớn trước giặc ngoại xâm, góp phần vào thắng vĩ đại chung cho cả nước.

* Phát huy cao độ truyền thống đoàn kết; tinh thần “tự lực tự cường, thắng lợi vẻ vang” của đồng bào Bác Ái trong suốt cuộc kháng chiến trường kỳ gian khổ.

Đồng bào các dân tộc huyện Bác Ái có truyền thống đoàn kết tương trợ

lẫn nhau, kết hợp với lòng yêu quê hương làng bản, ưa chuộng hòa bình, căm thù tột cùng ách cai trị của thực dân và bè lũ tay sai. Được Đảng tuyên truyền, giáo dục, đồng bào hiểu về Đảng, về cuộc đấu tranh cách mạng mà Đảng cùng quần dân cả nước đang ra sức thực hiện: “muốn thoát khỏi cảnh nô lệ không có con đường nào khác là phải kiên cường bất khuất, phải cầm vũ khí đứng lên đấu tranh chống kẻ thù xâm lược”, từ đó đồng bào các dân tộc huyện Bác Ái từ: già, trẻ, gái, trai; đồng bào Kinh, Raglai, Chu...đoàn kết, kiên trì bền bỉ đấu tranh anh dũng “một tấc không đi, một li không dời”, quyết đập tan chế độ cai trị bất công, hà khắc của thực dân và bè lũ tay sai, bảo vệ núi rừng Ông Bà.

* Cán bộ, Đảng viên đã kiên cường, anh dũng, vượt qua mọi khó khăn thử thách, hoàn thành nhiệm vụ.

Thắng lợi trên còn là kết quả của quá trình đấu tranh kiên cường bất khuất, dũng cảm và mưu trí; chiến thắng của ý chí kiên trì nhẫn nại, vượt qua mọi khó khăn gian khổ, quyết tâm bám trụ cơ sở, xây dựng phong trào cách mạng của các đồng chí cán bộ, đảng viên, chiến sỹ từ mọi miền Tổ quốc về với mảnh đất Bác Ái trong những năm tháng khó khăn, ác liệt nhất: xa gia đình, thiếu thốn vật chất và tình cảm người thân, chiến đấu trên một địa bàn xa lạ, không thạo địa bàn, tiếng nói, phong tục tập quán...Vượt lên mọi khó khăn thử thách, các Anh đã tình nguyện, sẵn sàng ăn củ rừng, lá rừng, uống nước suối, chịu đựng thiếu thốn, bệnh tật, cống hiến tuổi xuân tươi đẹp của mình cho sự nghiệp cách mạng, hiến dâng trọn đời mình vì nghĩa vụ dân tộc cao cả, vì nền độc lập, tự do và hạnh phúc cho đồng bào. Ngoài ra còn có sự giúp đỡ về người về của và sự phối kết hợp đấu tranh của quần dân các địa phương khác trong tỉnh, tỉnh bạn và cả nước. Sự phối hợp đó là yếu tố khách quan tạo điều kiện thuận lợi để huyện nhà tiến lên đánh địch thành công.

2. Trải qua cuộc trường kỳ kháng chiến, từ những thắng lợi trên, rút ra một số bài học kinh nghiệm:

* Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng; có quần chúng, sự nghiệp cách mạng ắt thành công.

Suốt 9 năm chiến đấu là những năm Đảng kiên trì, bền bỉ giáo dục chính trị tư tưởng quần chúng, làm cho đồng bào từ chỗ chưa hiểu biết gì về Đảng trở thành hiểu và tin vào Đảng. Khi đồng bào đã tin thì dù phải hy sinh gian khổ đến mấy, đồng bào vẫn một lòng một dạ thủy chung son sắt với Đảng với Bác Hồ.

Đồng bào từng nói với cán bộ: “Việt minh là cái cây, đồng bào là cái rễ, rễ thối thì cây chết”. Có đồng bào ủng hộ thì dù phải đương đầu với kẻ thù to lớn, hung bạo đến mấy cũng nhất định chiến thắng.

Thực tiễn đã chứng minh: chỉ có tin dân, dựa vào dân, đi vào trong dân mới có thể thực hiện được nhiệm vụ: giữ dân, giành dân, giành quyền làm chủ về tay nhân dân; mới phát triển được lực lượng cơ bản của cách mạng, củng cố và mở rộng khối đại đoàn kết toàn dân, giữ vững và phát triển được phong trào toàn dân đánh giặc. Đảng bám dân, dân bám đất, lực lượng vũ trang bám địch, cấp trên bám sát vào cấp dưới...đó là một trong những bí quyết thành công, là bài học vô cùng quý giá của người cách mạng.

* Muốn nắm được dân, phải thực hiện tốt công tác dân vận:

Với đặc thù huyện có nhiều dân tộc anh em cùng chung sống, trình độ nhận thức còn nhiều hạn chế; đồng bào bị trói buộc bởi nhiều hủ tục lạc hậu, mê tín dị đoan và chịu ảnh hưởng khá lớn vào tầng lớp trên. Dưới ách cai trị và sự xúi dục, chia rẽ của thực dân cùng bè lũ tay sai, mâu thuẫn giữa các dân tộc có lúc, có nơi trở nên gay gắt, nhất là mâu thuẫn giữa đồng bào Raglai với người Kinh và người Chăm...đó là những khó khăn rất lớn khi ta bắt tay xây dựng phong trào. Nhờ nhận định được tình hình, nên một mặt ta đã thực hiện tốt phương châm 3 cùng: “cùng ăn, cùng ở, cùng làm”; vận động đồng bào tăng gia sản xuất, ăn ở hợp vệ sinh phòng chống dịch bệnh, biết vận dụng các lá thuốc sẵn có trong rừng để chữa bệnh mà không tin vào Thầy cúng, đặc biệt là biết đoàn kết chặt chẽ đấu tranh chống Thực dân và bè lũ tay sai; mặt khác ta đã tranh thủ Đầu lớn để tiếp xúc dân, dần dần gây dựng cơ sở cách mạng. Nhờ đó, đồng bào ngày càng hiểu, tin và tham gia nhiều phong trào cách mạng. Đảng gần dân, dân gần Đảng, cùng chung sức chung lòng làm nên thắng lợi. Tuy nhiên trong quá trình hoạt động cách mạng, ta mắc sai lầm khi sử dụng Đầu lớn làm Chủ tịch Ủy Ban hành chính kháng chiến quá lâu mà không chú ý xây dựng quần chúng cốt cán. Trong đội ngũ Đầu lớn, ta không phân loại từng đối tượng cụ thể để đưa ra những đối sách phù hợp, nên khi Đầu lớn phản bội, theo địch thì cơ sở mất; bất ngờ gây cho ta nhiều tổn thất lớn.

Việc xây dựng nòng cốt, cơ sở cách mạng, ta đã đưa ra sách lược đúng đắn, linh hoạt: lúc đầu phong trào cách mạng của huyện chưa có cán bộ, đảng viên người địa phương tại chỗ, Đảng đã giao nhiệm vụ cho các đồng chí cán bộ người Kinh, những “hạt giống cách mạng” đến gieo mầm gây dựng. Khi phong trào phát triển, có cán bộ đảng viên người địa phương thì cán bộ người Kinh làm hướng dẫn, tham mưu, giúp việc. Trong công tác phát triển Đảng, ta đã đưa ra các tiêu chuẩn cụ thể, phù hợp cho từng đối tượng; đặc biệt chú ý đến quần chúng cốt cán là người đồng bào các dân tộc. Nhờ đó từ những năm 1948 về sau, nhiều cốt cán là con em đồng bào các dân tộc trong huyện đã vinh dự trở thành chiến sĩ cộng sản, góp phần nâng cao sức chiến đấu của Đảng, đưa sự

nghiệp đấu tranh cách mạng trong huyện đi đến thắng lợi vẻ vang cùng nhân dân cả nước.

* Phải tiến hành đồng thời cả đấu tranh kinh tế, chính trị kết hợp đấu tranh vũ trang, trong đó đấu tranh chính trị là nhiệm vụ then chốt tạo tiền đề cho cuộc kháng chiến và đấu tranh vũ trang là yếu tố quyết định cho sự thắng lợi.

Trong điều kiện bị địch bao vây về kinh tế, tình hình thiếu thốn về thuốc men, lương thực, đặc biệt là phải đối mặt với nạn lụt muối, làm ảnh hưởng không nhỏ đến sức chiến đấu của quân dân ta. Trong khi đó địch không ngừng tăng cường các trò mị dân, lừa phỉnh, dụ dỗ, mua chuộc..., làm cho một bộ phận đồng bào ta bị nao núng tinh thần. Trước tình hình đó, một mặt ta phát động phong trào tăng gia sản xuất, cải thiện lương thực; mặt khác ta đã kịp thời hướng dẫn đồng bào đấu tranh lý lẽ với địch để xoá “vành đai trắng” về kinh tế; vận động đồng bào cài cắm, đi nhận giấy Cart của địch cấp để nhận vải, muối. Việc làm trên vừa giải quyết kịp thời khó khăn về kinh tế, vừa động viên được sức dân. Khi tình thế cách mạng thay đổi, thời cơ cách mạng chín muồi, Đảng chuyển hướng chỉ đạo, chủ trương tiến lên đấu tranh vũ trang, làm đòn quyết định tiêu diệt kẻ thù.

* Kết hợp đặc điểm địa hình, địa vật để xây dựng lực lượng và thế trận lòng dân, chiến tranh du kích.

Lúc đầu chưa có cơ sở cách mạng, lực lượng vũ trang chủ yếu làm nhiệm vụ trang tuyên truyền; ta vận động thanh niên tham gia bảo vệ đường mòn Hồ Chí Minh, nhiệm vụ chủ yếu là đưa tin, dẫn đường và canh gác, về sau ngày càng nhiều đồng bào tham gia cách mạng, ta tổ chức thành các đội, nhóm, “mé núi” tự vệ bằng vũ khí thô sơ Tên, Ná...để chống thú giữ, bảo vệ mùa màng, sau phát triển cao hơn thành lực lượng du kích đánh địch. Khi phong trào cách mạng dâng cao, lực lượng vũ trang đã trưởng thành cùng với sự ra đời của huyện căn cứ Bác Ái, ta đã chuyển lực lượng vũ trang của huyện thành huyện đội, bộ đội địa phương ra đời từ đó. Từ những đội du kích lẻ tẻ được xây dựng trong những năm 1949, đến cuối năm 1953 đầu năm 1954 toàn huyện đã có 2 trung đội bộ đội địa phương và gần 900 dân quân du kích. Với đặc điểm địa hình nhiều núi cao, hang động hiểm trở, ta đã xây dựng thế trận lòng dân, chiến tranh du kích, kết hợp hầm chông, bẫy cung, tên ná với vũ khí hiện đại. Phối hợp tác chiến giữa dân quân du kích với bộ đội chủ lực và bộ đội địa phương, từ chỗ tiêu hao sinh lực địch, tiến lên bẻ gãy và tiêu diệt nhiều đợt càn quét, khủng bố gắt gao của kẻ thù.

3. Ý nghĩa.

Đảng bộ và đồng bào các dân tộc huyện Bác ái được sự lãnh đạo, dìu dắt của Đảng đã đoàn kết thống nhất thành một khối, kiên cường anh dũng vượt qua mọi khó khăn gian khổ tiến hành cuộc kháng chiến trường kỳ và đã giành được thắng lợi vô cùng vẻ vang. Thắng lợi đó có ý nghĩa rất to lớn, vừa củng cố niềm tin của đồng bào vào sự lãnh đạo của Đảng và Bác Hồ, vừa để lại nhiều bài học

quí báu cho những năm tháng đấu tranh tiếp theo; đồng thời thắng lợi trên còn cổ vũ tinh thần đấu tranh cho nhân dân các dân tộc anh em trong sự nghiệp chống giặc ngoại xâm, góp phần cho sự thắng lợi vĩ đại chung của cả nước.